

**TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**

*

ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

**GIẢI PHÁP GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY
VĂN HÓA CỦA NGƯỜI S'TIÊNG
Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY**

Chủ nhiệm: ThS Nguyễn Kim Dự

Thành viên: CN. Đoàn Thị Quế Chi

ThS Nguyễn Thị Ninh

CN Ngô Hoàng Kiệt

Ths Vũ Minh Thanh

CN. Trần Thị Quỳnh

CN. Thái Quảng Thanh

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Châu

Bình Phước, tháng 11 năm 2021

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DTTS : Dân tộc thiểu số

TU : Tỉnh ủy

UBND : Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG TRONG ĐỀ TÀI

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1: Phân bố dân số người s'tiêng trong cả nước	26
Bảng 2.2: Phân bố dân số người s'tiêng ở khu vực Đông Nam bộ	27
Bảng 2.3: Một số từ khác nhau giữa hai nhóm Bù Lơ và Bù Đek	38
Bảng 2.4. Tổ nhóm xây dựng mô hình phát triển dệt thổ cẩm của người S'tiêng	56
Bảng 2.5. Bảng phân bố số lượng công chiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2009	58

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CỦA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC	7
1.1. Một số khái niệm liên quan đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số	7
1.2. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số	14
1.3. Quan điểm, chính sách của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bình Phước trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng	18
Chương 2: THỰC TRẠNG CỦA VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY	22
2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước	22
2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	22
2.1.2. Khái quát về người S'tiêng	25
2.1.3. Văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước	29
2.1.4. Những nhân tố tác động đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng	46
2.2. Thực trạng văn hóa của người S'tiêng và công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay	49
2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân đạt được	49
2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế	65

Chương 3: GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CỦA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY	72
3.1. Nhóm giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng	72
3.2. Nhóm giải pháp về công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ làm công tác văn hóa	73
3.3. Nhóm giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng người S'tiêng	76
3.4. Nhóm giải pháp nâng cao tính tích cực chủ động của cộng đồng người S'tiêng vào việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của họ	80
3.5. Nhóm giải pháp triển khai, cụ thể hóa chính sách và phát huy vai trò các làng nghề thủ công truyền thống kết hợp với hoạt động kinh doanh, du lịch nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng	85
3.6. Nhóm giải pháp tăng cường hơn nữa công tác phối hợp, kết hợp giữa các cơ quan, ban, ngành của tỉnh có liên quan và các địa phương trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.	90
KẾT LUẬN	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	95
PHỤ LỤC	99

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một quốc gia có 54 dân tộc, có truyền thống văn hóa lâu đời. Lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã hun đúc nên những giá trị văn hóa tốt đẹp, làm nên sức sống trường tồn đưa đất nước vượt qua bao thăng trầm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Mỗi dân tộc được phân bố ở các vùng miền của Tổ quốc và có giá trị văn hóa riêng. Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc có ý nghĩa làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam.

Nước ta đang trong tiến trình xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, trước xu thế hội nhập và phát triển, việc giữ gìn và phát huy những văn hóa của các dân tộc nói chung và của người S'tiêng nói riêng trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi lẽ, theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là hòa nhập chứ không hòa tan, nếu không biết cách giữ gìn những giá trị, những bản sắc riêng của từng dân tộc thì sẽ dễ dẫn đến mất đi địa vị tự chủ của dân tộc khi vươn ra tầm thế giới. Hơn nữa, việc giữ gìn và phát huy giá trị giá trị cũng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số được khẳng định là một trong mười nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng, hiện đại hóa nền văn hóa Việt Nam, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII) đã khẳng định: “Coi trọng bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống, xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hóa, mở rộng mạng lưới thông tin, thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số...” hay tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành trung ương (Khóa XI), về xây dựng và phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy bản giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung, giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số nói riêng là một trong những

nhệm vụ quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Bình Phước là một tỉnh nằm ở khu vực miền Đông Nam bộ, có 41 dân tộc (tộc người) cùng sinh sống, bên cạnh thực hiện các vấn đề về an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số thì việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc trên địa bàn là một trong những vấn đề được đặt ra quan trọng và cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Trong 41 dân tộc anh em sinh sống lâu đời trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện nay thì người S'tiêng chiếm tỷ lệ đông nhất, theo thống kê năm 2019 dân số người S'tiêng 96.649 người, người S'tiêng đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự hình thành và phát triển của vùng đất và con người nơi đây từ xa xưa.

Trong những năm qua, vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng cũng được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định. Cùng với sự giao lưu, hội nhập và hiện đại hóa, giá trị văn hóa của dân tộc S'tiêng đang dần bị mai một, pha trộn, lai căng. Vì lẽ đó nên việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người dân tộc S'tiêng hiện đang là vấn đề cần thiết góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc S'tiêng mà còn có ý nghĩa phát huy vai trò của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Bình Phước hiện nay. Từ những lý do trên nên tôi chọn đề tài: ***“Giải pháp giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay”*** để làm đề tài nghiên cứu của mình mong muốn góp phần công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề dân tộc S'tiêng nói chung văn hóa nói riêng đã có nhiều tác giả nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau như:

- *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé* của Mạc Đường (chủ biên) là công trình nghiên cứu dân tộc học do Ban Dân tộc và Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Sông Bé phối hợp

với viện Khoa học và xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, đây là công trình mang tính khái quát về các lễ hội cũng như sinh hoạt văn hóa của người Xtiêng.

- *Nghệ thuật Công chiêng của dân tộc Xtiêng tỉnh Sông Bé* của Vũ Hồng Thịnh và Bùi Lãm đi sâu vào tìm hiểu, đánh giá, phân tích những nét đặc sắc của nghệ thuật công chiêng của dân tộc Xtiêng.

- *Múa dân gian các tộc người Mạ, Chơ ro, Xtiêng vùng Đông Nam Bộ* của Nguyễn Thành Đức giới thiệu về các điệu múa dân gian, chức năng của các điệu múa dân gian của các dân tộc thiểu số ở vùng Đông Nam Bộ, trong đó có dân tộc Xtiêng và những triển vọng của nó trong đời sống hiện nay của các dân tộc.

- *Báo cáo khoa học dự án phục dựng lễ cầu mưa của người Xtiêng*. Trong báo cáo này, đã nêu lên một số vấn đề quan trọng của việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội cầu mưa.

- *Báo cáo tổng điều tra di sản văn hóa của người Xtiêng Bình Phước*.

- *Lễ hội truyền thống của người Xtiêng dưới tác động của hội nhập và phát triển* của Phạm Hữu Tiến đã nêu lên tầm quan trọng của các lễ hội truyền thống của người Xtiêng trong quá trình hội nhập của nước ta từ đó nêu lên một số kiến nghị để thực hiện tốt hơn.

- *Một số phong tục tập quán cổ truyền của người Xtiêng* của Điều Huỳnh Sang, đề tài này tập trung khảo sát đánh giá về một số phong tục tập quán của người Xtiêng ở huyện Bình Long (nay là thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước).

- *Văn hóa quản lý xã hội của người Xtiêng - Bình Phước* của Nguyễn Duy Đoài đề cập một cách tổng thể đến đời sống văn hóa của người Xtiêng và nêu ra cách thức quản lý xã hội của họ.

- *Đời sống văn hóa của người Xtiêng ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hiện nay* của tác giả Lương Thị Hồng Vân đã nêu tổng quan về người Xtiêng nói chung

và nêu những đặc thù về đời sống văn hóa của người Xtiêng tại huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, đề tài này nhìn nhận ở góc cạnh văn hóa của người Xtiêng.

Như vậy, có thể nói việc nghiên cứu về người S'tiêng cũng đa dạng và phong phú, nhiều tác giả đã tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến người S'tiêng. Tuy nhiên, qua tình hình nghiên cứu trên, học viên nhận thấy rằng chưa có tác giả nào nghiên cứu một cách đầy đủ nhất hay tiếp cận về vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của người S'tiêng, cho nên tôi thực hiện nghiên cứu đề tài này không trùng lặp với những công trình đã công bố trước đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận về vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa, đề tài khảo sát thực trạng công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng nhằm đề ra những giải pháp để giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đề tài làm rõ vấn đề lý luận về giá trị văn hóa, văn hóa phi vật thể, giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.
- Làm rõ thực trạng công tác giữ gìn và phát huy văn hóa phi vật thể của người S'tiêng trong thời gian qua.
- Đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa phi vật thể của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Văn hóa của người S'tiêng bao gồm nhiều lĩnh vực, đa dạng, phong phú với nội dung rộng lớn. Trên cơ sở quy mô của đề tài, tác giả tập trung nghiên cứu về công tác giữ gìn và phát huy văn hóa phi vật thể của người S'tiêng tại tỉnh Bình Phước.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Thực hiện đề tài này, chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đồng thời có tham khảo một số công trình nghiên cứu, đề tài khoa học và sách, báo, tài liệu có liên quan đến nội dung được đề cập trong đề tài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, cùng các phương pháp khác như: phỏng vấn, khảo sát, điều tra xã hội học, phân tích, tổng hợp, lôgic - lịch sử, đi nghiên cứu thực tế các giá trị văn hóa của người S'tiêng. Đề tài còn kế thừa có chọn lọc kết quả của các công trình đã nghiên cứu trước đó có liên quan.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Đề tài góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước. Đề xuất những giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

6.2. Về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị cho các giảng viên ở trường chính trị tỉnh Bình Phước.

Đề tài góp phần làm tài liệu cho việc nghiên cứu, tuyên truyền nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo để các sở, ban ngành có liên quan trong tỉnh Bình Phước xây dựng kế hoạch tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc thiểu số nói chung và người S'tiêng nói riêng.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài gồm có 3 chương, 12 tiết. Cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở Bình Phước.

Chương 2: Thực trạng của việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở Bình Phước hiện nay.

Chương 3: Giải pháp cơ bản nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở Bình Phước hiện nay.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CỦA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC

1.1. Một số khái niệm liên quan đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số

1.1.1. Khái niệm văn hóa

Thuật ngữ “văn hóa” xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử loài người ở phương Đông cũng như phương Tây, đây là khái niệm được sử dụng phổ biến trong đời sống xã hội, trên thế giới cho đến nay có hàng trăm định nghĩa về văn hóa theo những cách hiểu và cách tiếp cận khác nhau. Song, về cơ bản đều thống nhất coi văn hóa là những gì mà con người sáng tạo ra để hình thành nên các giá trị, các chuẩn mực xã hội trong quá trình lao động, hoạt động thực tiễn. Các giá trị chuẩn mực đó tác động, chi phối, điều chỉnh đời sống tâm lý, hành vi, đạo đức và các hoạt động trên mọi lĩnh vực có sự hiện diện của con người.

Quan niệm văn hóa của UNESCO, theo Federico Mayor tổng giám đốc UNESCO thì: *văn hóa bao gồm tất cả những gì là cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi, hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống và lao động [42].*

Theo từ điển tiếng Việt của Viện nghiên cứu ngôn ngữ học, do nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học xuất bản năm 2014 thì: *Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.*

Văn hóa trong quan niệm triết học mácxít, đó là những vấn đề biến đổi của bản thân con người với tư cách là sự hình thành lịch sử hiện thực của con người. Văn hóa theo đó xuất hiện từ lao động, hiện ra một nhiệm vụ thực tiễn biến đổi của các quan hệ qua lại giữa con người với nhau và với thế giới. Theo quan điểm triết học mácxít, văn hóa được biểu hiện như một quá trình biến con người thành chủ thể

của sự vận động lịch sử và trở thành một cá nhân trọn vẹn [36, tr.10]. Đồng thời, cách tiếp cận triết học mácxít về văn hóa gắn văn hóa với phương thức sản xuất xã hội, cá nhân với cộng đồng, truyền thống với hiện đại, dân tộc với quốc tế, đặc biệt coi trọng vai trò lao động, nhất là của đông đảo quần chúng nhân dân. Trên ý tưởng ấy, văn hóa là một hiện tượng xã hội gắn liền với các hoạt động nhiều mặt của con người. Nguồn gốc của mọi hiện tượng, mọi quan hệ văn hóa đều gắn với hoạt động của sống của con người. Văn hóa được biểu thị như phương thức hoạt động bao gồm toàn bộ các sản phẩm vật chất và tinh thần của con người cũng như năng lực phát triển của chính bản thân con người mà C.Mác gọi là “lực lượng bản chất con người”.

Hồ Chí Minh, người học trò xuất sắc và đầy sáng tạo của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, trên cơ sở kế thừa sâu sắc truyền thống văn hóa dân tộc, chắt lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, qua thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú và sinh động, từ thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin ngay từ thập niên bốn mươi của thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày một quan niệm về văn hóa:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”[43].

Quan niệm về văn hóa của Hồ Chí Minh đề cập trên đã bao quát nhiều lĩnh vực: tư tưởng, đạo đức, lối sống, chính trị, tri thức, thẩm mỹ, thể chất,...Nó có mặt trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cái gốc của văn hóa là toàn bộ những hoạt động sáng tạo và phát minh của con người trong thực tiễn. Văn hóa

hoàn toàn không phải là sản phẩm thụ động của "thượng đế" ban cho, mà là kết quả của quá trình lao động sản xuất có tính chủ động, có mục đích của từng người, từng dân tộc nhằm đáp ứng những nhu cầu sinh tồn. Cái bản chất cốt lõi của văn hóa theo quan niệm Hồ Chí Minh chính là đạo đức là nhân cách của con người, là chủ nghĩa nhân văn. Văn hóa xuất phát từ con người và trở về với con người, trả lại những giá trị đích thực cho con người để làm người. Cùng với việc chỉ rõ nội hàm của văn hóa, Hồ Chí Minh đã phân tích mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế, chính trị và xã hội. Trong đó, văn hóa là một kiến trúc thượng tầng của xã hội, những cơ sở hạ tầng của xã hội là kinh tế có kiến thiết rồi thì văn hóa mới đủ điều kiện để phát triển.

Kế thừa những tư tưởng của các bậc tiền bối, Thủ tướng Phạm Văn Đồng quan niệm về văn hóa như sau:

Nói tới văn hóa là nói tới một lĩnh vực vô cùng phong phú và rộng lớn, bao gồm tất cả những gì không phải thiên nhiên mà có liên quan đến con người trong một quá trình tồn tại, phát triển, quá trình con người làm nên lịch sử... cốt lõi của sức sống dân tộc là văn hóa với nghĩa bao quát và đẹp nhất của nó, bao gồm cả hệ thống giá trị: tư tưởng và tình cảm, đạo đức với phẩm chất, trí tuệ và tài năng, sự nhạy cảm và tiếp thu cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ tài sản và bản lĩnh của các cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu để bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh [14].

Từ những nghiên cứu các quan niệm về văn hóa, có thể rút ra khái niệm về văn hóa: *Văn hóa là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần được sáng tạo, tích lũy trong lịch sử nhờ quá trình hoạt động thực tiễn của con người trong mỗi cộng đồng xã hội nhất định. Các giá trị này được cộng đồng chấp thuận, vận hành trong đời sống xã hội và liên tiếp truyền lại cho thế hệ sau. Văn hóa thể hiện trình độ phát triển và đặc tính riêng của mỗi dân tộc.*

1.1.2. Văn hóa phi vật thể

Theo luật Di sản 2013, văn hóa phi vật thể được hiểu như sau: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.

Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: tiếng nói, chữ viết, ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; nghề thủ công truyền thống; tri thức dân gian.

1.1.3. Giữ gìn văn hóa

Theo từ điển tiếng Việt, giữ gìn là giữ cho được nguyên vẹn, không bị mất mát, tổn hại. Trong hoạt động nghiên cứu cũng như trong hoạt động giữ gìn giá trị văn hóa được hiểu là hoạt động giữ gìn một cách an toàn khỏi sự tổn hại, sự xuống cấp, phá hoại hoặc xâm hại làm mất đi giá trị văn hóa.

Giữ gìn là tất cả những nỗ lực nhằm hiểu biết về lịch sử hình thành, ý nghĩa của giá trị văn hóa nhằm bảo đảm sự an toàn, phát triển lâu dài cho giá trị văn hóa và khi cần đến phải đảm bảo khôi phục và tôn tạo lại để khai thác khả năng hoạt động tiến bộ của xã hội.

1.1.4. Phát huy văn hóa

Phát huy văn hóa là hoạt động có tính kế thừa, bao gồm việc giữ gìn những giá trị được thực tiễn kiểm nghiệm và phát triển chúng trong điều kiện mới. Làm cho những giá trị, chuẩn mực, cái hay, cái đẹp, có ý nghĩa đã được khẳng định trong đời sống tiếp tục tồn tại, thích nghi và phát triển theo thời gian. Xu thế phát triển bao hàm tính kế thừa, chất lọc giá trị cũ, nhưng nếu không giữ gìn, không có cách thức giữ gìn thì sẽ không tạo được cơ sở cho sự phát triển.

Phát huy các giá trị văn hóa phải chú trọng đến việc bảo tồn bản sắc dân tộc, nói đến bản sắc dân tộc là nói đến những đặc trưng tiêu biểu, riêng có, không thể trộn lẫn của một nền văn hóa, của một dân tộc khác, biểu hiện sức sống, sức sáng tạo, phát triển của dân tộc.

Phát huy những cái hay, cái tốt tác dụng đến mọi vật, mọi người xung quanh là làm cho nó tiếp tục nảy nở thêm cái hay, cái tốt vốn có. Phát huy giá trị văn hóa chính là làm cho giá trị văn hóa vốn có của dân tộc tỏa rộng trong đời sống cộng đồng để làm tốt đẹp thêm cuộc sống xã hội trong điều kiện mới. Việc phát huy tác dụng của những giá trị văn hóa trong tình hình hiện nay là rất quan trọng góp phần vào việc huy động sức mạnh của giá trị văn hóa truyền thống vào công cuộc xây dựng xã hội mới. Văn hóa là dòng chảy của sự sáng tạo không ngừng, bản sắc dân tộc trong văn hóa không đứng yên mãi mãi và không phải mọi tài sản văn hóa đều có giá trị như nhau và phù hợp với đời sống hiện đại. Vì lẽ đó, kế thừa cần có sự chọn lọc trong các loại hình di sản văn hóa truyền thống dân tộc để bảo vệ và phát huy nó trong điều kiện mới.

Trong xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam hiện nay, cần hướng vào việc giữ gìn và phát huy giá trị để tạo ra sức mạnh tinh thần chung cho cả dân tộc. Đồng thời, phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao và nhu cầu phát triển của từng dân tộc. Cụ thể, việc giữ gìn và phát huy văn hóa của mỗi dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam là giữ gìn và phát huy tính đa dạng về bản sắc văn hóa trong tính thống nhất.

Việc xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu cuối cùng là văn hóa và tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Nhưng văn hóa không thể chỉ là kết quả của kinh tế mà còn là động lực của sự phát triển bền vững của kinh tế. Vì văn hóa luôn có mặt trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, do đó cần phát huy tối đa sức mạnh của văn hóa trong các lĩnh vực và hoạt động xã hội đó. Các nhân tố văn hóa

phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương, văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

1.1.5. Cách thức của việc giữ gìn và phát huy văn hóa

Vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc có vai trò hết sức quan trọng trong hoàn cảnh hiện nay ở Việt Nam, góp phần vào xây dựng đời sống văn hóa mới phù hợp với điều kiện hiện tại. Trên cơ sở văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc như trong tinh thần của Nghị quyết trung ương lần thứ 5 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI. Vậy nên, việc giữ gìn và phát huy văn hóa cần phải chú ý đến một số vấn đề như:

Cần giữ lại nguyên bản những văn hóa truyền thống

Hệ giá trị văn hóa Việt Nam hiện nay không thể thoát ly khỏi những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mà, ngược lại, phải được xây dựng trên nền tảng những văn hóa truyền thống. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu hơn về những văn hóa truyền thống, những giá trị văn hóa mà cha ông ta đã dày công vun đắp và gìn giữ qua hàng nghìn năm, là rất cần thiết để xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế hiện nay.

Văn hóa truyền thống của dân tộc ta phong phú, đa dạng được xây dựng qua hàng ngàn năm gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước đã trở thành tài sản vô giá của dân tộc, thấm sâu vào tiềm thức của mỗi con người Việt. Những truyền thống đó có thể kể như: Lòng yêu nước được nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước; lòng yêu thương quý trọng con người; tinh thần đoàn kết của dân tộc, ý thức cộng đồng, lòng dũng cảm, bất khuất; ý thức cộng đồng, đức tính cần kiệm, khiêm tốn, giản dị, trung thực... đây chính là những truyền thống văn

hóa được cộng đồng dân tộc Việt Nam hun đúc bao đời nay. Do vậy, những giá trị truyền thống nguyên bản này cần phải được giữ nguyên để tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ, thế hệ sau tiếp thu và biết được lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam.

Việc giữ gìn và phát huy trên cơ sở có chọn lọc

Việc giữ gìn và phát huy văn hóa một cách có chọn lọc thể hiện sự kế thừa theo quan điểm biện chứng chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là giữ lại những văn hóa truyền thống mang tính tích cực, tiến bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển, hội nhập của đất nước, đồng thời loại bỏ những yếu tố lạc hậu, lỗi thời gây cản trở đến xu hướng phát triển của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, việc bảo vệ, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc là rất cần thiết, là việc phải làm, nên làm, nhưng quan trọng hơn lại là việc biết vận dụng và phát triển những bản sắc ấy vào cuộc sống. Đó chính là cách tốt nhất để bảo vệ và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Ở Hồ Chí Minh luôn có sự gắn bó chặt chẽ giữa truyền thống và hiện đại. Theo Người, mọi hiện đại, tiên tiến đều bắt nguồn từ truyền thống tốt đẹp. Việc giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc Người cho rằng, nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra, cần xây dựng và phát triển thuần phong mỹ tục, chống đồng bóng, rước xách thần thánh.

Trên cơ sở giữ gìn và phát huy có chọn lọc thì yếu tố truyền thống trở thành chủ đạo, chi phối, định hướng sự phát triển của văn hóa dân tộc, làm cơ sở nền tảng để kế thừa và tiếp thu những cái mới.

Việc giữ gìn và phát huy văn hóa phải có bổ sung và phát triển

Đó chính là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại để tạo nên sức sống mới, diện mạo mới của văn hóa dân tộc phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Quá trình này, làm cho văn hóa của dân tộc không những được giữ gìn mà

còn phát triển. Điều quan tâm là việc giữ gìn bổ sung những yếu tố văn hóa mới phải dựa trên cơ sở lấy văn hóa truyền thống của dân tộc mình làm nền tảng để không bị đánh mất, hòa tan trong dòng chảy văn hóa của nhân loại. Đây chính là việc giữ gìn và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Như vậy, việc giữ gìn nguyên bản văn hóa truyền thống của dân tộc nhưng phải có sự chọn lọc, có bổ sung và phát triển, vừa đảm bảo sự kế thừa, vừa phù hợp với sự đa dạng của văn hóa trong điều kiện ngày nay.

1.2. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS luôn là một nội dung quan trọng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chỉ đạo trong suốt quá trình lãnh đạo, điều hành đất nước. Với quan điểm nhất quán, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định, văn hóa các DTTS là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành và thực hiện đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo động lực để phát triển đời sống kinh tế, xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS. Trong quá trình hình thành và phát triển mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa đặc sắc, đặc trưng cho dân tộc mình, góp phần xây đắp và làm phong phú thêm nền văn hóa của đất nước. Tuy nhiên, do phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay đều gặp khó khăn trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cho nên trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta có sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cũng như việc bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc của các dân tộc thiểu số.

Trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII khẳng định Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, nhiệm vụ chiến lược về dân tộc của Đảng là xây dựng và

củng cố khối cộng đồng các dân tộc Việt Nam, trên cơ sở phát triển toàn diện từng tộc người trong cộng đồng đó. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII ghi rõ: “Chọn lọc, giữ gìn và nâng cao tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc; tiếp thu những giá trị văn hóa của nhân loại”.

Văn kiện Đại hội VIII và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đặt vấn đề cơ bản về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội VIII, Đảng ta nêu rõ vai trò của văn hóa: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Đồng thời, cũng chỉ rõ phương hướng của việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam: “Khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta, tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt Nam”.

Trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, phần những nhiệm vụ cụ thể, thì nhiệm vụ thứ 7 đề cập tới vấn đề “Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số”. Nhiệm vụ này được cụ thể hóa thành các vấn đề sau: Thứ nhất, coi trọng bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển các giá trị văn hóa mới về văn hóa, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Thứ hai, bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông. Khuyến khích bồi dưỡng lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số. Thứ ba, tài trợ cho các tác giả dân tộc thiểu số có tài năng sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi. Đào tạo đội ngũ trí thức người dân tộc trở về phục vụ quê hương, phát huy tài năng nghệ nhân. Thứ tư, đầu tư và tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu phổ biến các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số. Thứ năm, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc

thiểu số. Thứ sáu, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xóa bỏ hủ tục.

Trong kỳ họp Quốc hội khóa X, ngày 14/6/2001, Luật di sản văn hóa ra đời và được sửa chữa, bổ sung năm 2009. Luật Di sản văn hóa 2013, đây là bộ luật và là cơ sở pháp lý cao nhất, là cột mốc quan trọng trong xây dựng đường lối văn hóa và xây dựng luật pháp về bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Có thể nói, Luật di sản văn hóa giống như cầm nang giúp cho các nhà quản lý trung ương và địa phương thực thi việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Ngoài luật Bảo tồn di sản thì còn có nhiều văn bản khác liên quan đến việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số như quy hoạch tổng thể Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đến năm 2020 được bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch) ký Quyết định phê duyệt số 1706/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001.

Đặc biệt, ngày 14/01/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc, trong đó quy định cụ thể về chính sách bảo tồn văn hóa, chính sách phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số. Ngày 27/7/2011, Chính phủ ban hành Quyết định số 1270/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020”.

Ngày 09/6/2014, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW trong Hội nghị lần 9 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về: “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đây là văn kiện quan trọng, có tính định hướng cho công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa trong thời đại mới. Ngày 10/10/2014, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 12/2014/TT-BVHTTDL quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 5/2011/NĐ-CP, trong đó quy định chi tiết về hỗ trợ bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các

dân tộc thiểu số Việt Nam; về phát triển du lịch, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái vùng dân tộc thiểu số cùng những nội dung khác về văn hóa dân tộc thiểu số.

Ngày 18/01/2019, bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL về việc phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn nay. Đây là cơ sở để các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể hóa theo địa phương nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa về trang phục của các dân tộc thiểu số.

Như vậy, những văn bản, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta ban hành thời gian qua đem lại nhiều hiệu quả trong công tác giữ gìn và phát huy văn hóa, ngăn chặn những yếu tố tiêu cực tác động đến việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc và điều này cũng tác động mạnh mẽ đến sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Việc giữ gìn và phát huy văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người S'tiêng nói riêng tại tỉnh Bình Phước luôn khẳng định đúng quan điểm và định hướng trong các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ta với phương châm phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Để góp phần vào điều đó, việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của người Stiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay trong bối cảnh hội nhập hiện nay được đặt ra là vô cùng cần thiết.

1.3. Quan điểm, chính sách của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Bình Phước trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng

Trong những năm qua, tỉnh Bình Phước đã ưu tiên tập trung đầu tư phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số mà trọng tâm là đồng bào dân tộc thiểu số ở những khu vực vùng sâu, vùng xa. Giải quyết những vấn đề khó khăn như tình trạng đói giáp hạt, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, thiếu đất ở, đất sản xuất, công cụ sản xuất, công cụ sinh hoạt hằng ngày, xây dựng hạ tầng khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thời gian gần đây, tỉnh Bình Phước đã tập trung nguồn lực cho sự phát triển vùng dân tộc thiểu số, trong đó có người S'tiêng, luôn được tỉnh xem là một trong những nhiệm vụ chiến lược trọng tâm. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa và tri thức bản địa chưa thực sự quan tâm, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người S'tiêng đang biến đổi mạnh mẽ và đứng trước nguy cơ mai một.

Từ nhận thức sâu sắc “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”, Tỉnh ủy Bình Phước ra Nghị quyết số 07-NQ/TU chuyên đề về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới, trong đó nêu rõ: Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân là biện pháp quan trọng hàng đầu để bảo tồn giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc thiểu số. Do đó, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh ý thức rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc để thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn hóa.

Từ khi tái lập tỉnh cho đến nay (1997), Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Nghị quyết số 08-NQ/TU về xóa đói, giảm nghèo thời kỳ 1998 - 2000 và những năm tiếp theo, Chỉ thị số 04/CT-TU (1998) về việc tăng cường củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, thành lập

đoàn công tác nhằm giúp các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số tăng cường năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 20-CTr/TU về công tác dân tộc và các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, VIII, IX, X, IX, X, XI đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm tập trung mọi nguồn lực cho công tác phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 21/01/2014, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND tỉnh giao cho Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về mọi lĩnh vực, trong đó thực hiện chính sách bảo tồn, giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống cũng như các làng nghề truyền thống của dân tộc thiểu số.

Nhằm tăng cường việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các tổ chức đảng, ban, ngành, đoàn thể liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Các cấp ủy Đảng, chính quyền chỉ đạo tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 13/11/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Luật Di sản Văn hóa 2013 cũng như các văn bản liên quan đến di tích. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị và nhân dân việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy di tích là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài và là trách nhiệm của Đảng bộ, các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Để tiếp tục quan tâm đến công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của các dân tộc thiểu số, ngày 14/8/2017 Tỉnh ủy đã ban hành chỉ thị số 26-CT/TU về việc tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh.

Ngày 19/4/2018 UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 881/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tại quyết định này có nhiều si sản của người S'tiêng được công nhận là văn hóa phi vật thể như: Nghệ thuật trình diễn công chiêng; Sử thi S'tiêng; Lễ hội Mừng lúa mới; nghề dệt thổ cẩm, món ăn canh bồi; nghệ thuật chế biến rượu cần, múa trống, dân ca.... Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác giữ gìn và phát huy văn hóa ở lĩnh vực đó.

Nhằm triển khai có hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nâng cao đời sống văn hóa tinh thần có nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường quan hệ hợp tác, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; phát huy vai trò làm chủ của đồng bào trong bảo tồn giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch, ngày 08/9/2021, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 291/KH-UBND về triển khai Đề án Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 30/9/2021, Tỉnh ủy Bình Phước đã ban hành Chương trình hành động số 17-Ctr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Trong nội dung Chương trình hành động về chương trình phát triển văn hóa, xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Với mục tiêu là xây dựng và bảo tồn các giá trị văn hóa làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi hoạt động và thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực quan trọng của phát triển; hoàn thiện và nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, chất lượng cuộc sống cho nhân dân; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.

Ngày 11/11/2021, Ban chủ nhiệm 342 của Tỉnh ủy Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 336-KH/BCN342 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TU ngày 18/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó có các nhiệm vụ cụ thể như:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trong đó có nội dung như: xây dựng kế hoạch Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS năm 2022; xây dựng kế hoạch giảm nghèo 2022-2025.

- Đề án tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025.

- Đề án nâng cao hiệu quả liên kết vùng, xây dựng các tuyến du lịch, sản phẩm du lịch.

- Triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

- Xây dựng mô hình Làng thanh niên dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước.

Như vậy, những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như của tỉnh Bình Phước đối với lĩnh vực bảo tồn, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa là nền tảng cho việc thực thi công tác giữ gìn và phát huy văn hóa các cộng đồng dân tộc nói chung và người S'tiêng nói riêng.

Chương 2: THỰC TRẠNG CỦA VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội và người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước

2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Vị trí địa lý:

Bình Phước là một tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có 258,939 km đường biên giới giáp với vương quốc Campuchia. Tỉnh là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam bộ với Tây Nguyên và Campuchia. Cụ thể, phía Đông giáp tỉnh Đắk Nông và Đồng Nai; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Bình Dương; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông và Campuchia.

Tỉnh có diện tích tự nhiên 6.871,54 km², lớn thứ 17 trong số các tỉnh thành của Việt Nam. Diện tích này chiếm gần 20% diện tích vùng Đông Nam bộ (gồm 08 tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh), gấp 2,6 lần diện tích tỉnh Bình Dương, gấp 3,2 lần diện tích thành phố Hồ Chí Minh.

Địa hình:

Các dạng địa hình chủ yếu của Bình Phước là núi thấp, đồi và các vùng đất bằng giữa đồi núi. Núi cao nhất của tỉnh là Bà Rá cao 736 m. Địa hình núi thấp có độ cao tuyệt đối trong khoảng 300 – 600 m. Các núi này được hình thành từ những núi lửa cũ hoặc núi sót rải rác thuộc phần cuối của dãy Trường Sơn từ Tây Nguyên đổ xuống. Dạng địa hình này có ở Phước Long, Bù Đăng, Bắc Đồng Phú và một số ít ở Bình Long và Lộc Ninh. Địa hình đồi và đồi thấp có ở Lộc Ninh, Phước Bình, Bù Đốp và Đồng Xoài là kiểu địa hình bóc mòn - tích tụ,

độ cao khoảng 100 - 300m, bề mặt lượn sóng. Các đồi có đỉnh bằng, sườn dốc và thoải, xen giữa chúng là các vùng đất phẳng có độ cao khoảng 100 - 200m.

Khí hậu:

Bình Phước nằm trong vùng mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, rất thuận lợi cho việc sử dụng đất nói chung và sản xuất các cây trồng nhiệt đới nói riêng. Bình Phước có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, nhiệt độ bình quân trong năm cao đều và ổn định từ 25,80C - 26,20C. Mùa khô kéo dài trong 06 tháng từ tháng 09 đến tháng 10 năm sau, lượng mưa chiếm 10-15% lượng mưa cả năm; Mùa mưa kéo dài trong 06 tháng từ tháng 05 đến tháng 11, mưa rất tập trung, lượng mưa trong 06 tháng chiếm 85 - 90% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa lớn và tập trung đã xảy ra quá trình xói mòn, rửa trôi rất mạnh.

Tài nguyên thiên nhiên:

Tài nguyên khoáng sản có 20 loại thuộc 4 nhóm: nguyên vật liệu, kim loại, phi kim loại và đá quý. Trong đó, nguyên vật liệu xây dựng như: đá, cát, sét, puzolan, cao lanh, laterit, đá vôi... là loại khoáng sản có triển vọng và quan trọng nhất. Đã có 91 mỏ, điểm quặng, điểm khoáng sản được phát hiện, nhưng hiện nay tỉnh mới khai thác một số mỏ như đá vôi, đá xây dựng, cát, sỏi, sét gạch ngói, đáp ứng một phần cho sản xuất tiêu dùng trong xây dựng; còn các khoáng sản khác cần được tiếp tục thăm dò để có cơ sở đầu tư khai thác.

- Tài nguyên đất: Thổ nhưỡng của Bình Phước có 7 nhóm đất chính với 13 loại đất. Đất ở Bình Phước chủ yếu là đất đỏ, vàng. Nhóm đất này chiếm tới 79,2% diện tích đất tự nhiên, trong đó đất đỏ bazan chiếm trên 50%. Loại đất này có tầng hoá khá dày, thuận lợi cho trồng các cây công nghiệp lâu năm. Các nhóm đất kém chất lượng như đất dốc tụ, xói mòn trơ sỏi đá chỉ chiếm khoảng 1% diện tích đất tự

niên toàn tỉnh. Đất nông nghiệp trên 631.000 ha, chiếm 91,84%, đất phi nông nghiệp trên 54.000 ha chiếm 7,98%, còn lại là đất chưa sử dụng.

- Tài nguyên nước:

Hệ thống sông suối trên địa bàn tỉnh tương đối nhiều, mật độ 0,7 - 0,8 km/km², bao gồm một số con sông lớn như: Sông Sài Gòn, Sông Bé, Sông Đồng Nai, Sông Măng và nhiều suối lớn phân bố đều khắp trên địa bàn nhưng tập trung nhiều hơn trên nửa lãnh thổ phía Tây của tỉnh. Ngoài ra còn có một số hồ, đập, bung bầu như Suối Lam, Suối Cam, Suối Rạt, đập thủy điện Thác Mơ... Tuy mật độ hệ thống sông suối cao nhưng hầu hết các sông lớn có lòng sông ở thượng lưu hẹp, dốc, ít có khả năng bù đắp phù sa, chênh lệch giữa cao trình mặt ruộng và nguồn nước lớn, muốn sử dụng nước phục vụ cho việc tưới đòi hỏi phải có đầu tư lớn. Nguồn nước ngầm được phân bố ở các vùng thấp dọc theo các con sông và suối, nhất là phía Tây Nam của tỉnh có thể khai thác nước ngầm phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Tài nguyên rừng:

Rừng của Bình Phước có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, tham gia điều hoà dòng chảy của Sông Bé, Sông Sài Gòn, Sông Đồng Nai và đảm bảo nguồn sinh thủy trong mùa khô kiệt. Diện tích đất có rừng của Bình Phước là 198,7 nghìn ha, trong đó có 168,1 nghìn ha rừng tự nhiên và 30,6 nghìn ha rừng trồng. Rừng có chức năng đặc biệt là khu bảo tồn thiên nhiên Bù Gia Mập với diện tích 26.032 ha, rừng thuộc khu di tích lịch sử văn hoá núi Bà Rá 1.025 ha và rừng thuộc Vườn Quốc gia Cát Tiên 5.399 ha. Rừng của Bình Phước gồm 2 kiểu rừng chính là rừng kín thường xanh với đặc trưng cây họ dầu chiếm ưu thế ở các huyện, thị xã Phước Long, Bù Đăng, Đồng Phú và rừng cây thưa họ dầu rụng lá theo mùa ở huyện Lộc Ninh và thị xã Bình Long. Phần lớn diện tích rừng ở Bình Phước là rừng thứ sinh, trừ một số diện tích rừng nguyên sinh thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Bù Gia Mập. Hệ thực vật của tỉnh có 801 loài thuộc 129 họ nằm trong 5

ngành thực vật bậc cao. Trong đó ngành ngọc lan chiếm đại đa số, gồm 497 loài thuộc 114 họ, có 5 họ giàu nhất là họ đậu có 43 loài, họ cà phê có 31 loài, họ thầu dầu có 20 loài, họ lúa có 21 loài và họ lan có 20 loài. Hệ động vật rừng của tỉnh với nhiều loài chim, thú. Chim có khoảng 89 loài thuộc 29 họ, 15 bộ. Ngoài các loài thú quý hiếm như tê giác, bò tót... ở đây còn có các loài có giá trị kinh tế cao như nai và loài lưỡng cư, bò sát như kỳ đà, trăn, rắn, cá sấu... Rừng Bình Phước còn có nhiều đặc sản như song mây, các cây có giá trị dùng làm dược liệu như vàng đắng, cam thảo Nam, củ mài, ngũ gia bì....

Là tỉnh vùng trung du miền núi, vùng chuyển tiếp của đồng bằng lên cao nguyên với nhiều sông, suối, ghềnh thác, hồ đập, tạo nên quần thể thực vật khá phong phú với nhiều phong cảnh có thể phát triển mạnh loại hình du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, còn có nhiều địa danh lịch sử nổi tiếng được Nhà nước xếp hạng (Căn cứ Quân uỷ, Bộ tư lệnh lực lượng vũ trang Miền Nam Việt Nam, sân bay Lộc Ninh, mộ tập thể 3.000 người, núi Bà Rá - Thác Mơ...) nằm cạnh các trục giao thông chính là điều kiện thuận lợi để tỉnh trở thành một địa điểm du lịch hấp dẫn nằm trong tuyến du lịch của vùng với trung tâm là Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Khái quát về người S'tiêng

- Về tộc danh:

Người S'tiêng là dân cư có mặt sớm trên vùng miền Đông Nam bộ, theo các nguồn sử liệu, trước khi lưu dân Việt đến sinh sống trên vùng đất miền Đông Nam bộ thì cư dân S'tiêng cùng các nhóm người Chơ-ro, Mạ, Cơ-ho đã từng sinh sống và cư trú.

Người S'tiêng có một số tên gọi khác như: Xa Điang, Bù Lơ, Bù Dex, Bù Biết, Bù Đip, Bù Lach. Một số công trình nghiên cứu về người S'tiêng cho rằng, cộng đồng S'tiêng chủ yếu có hai nhóm chính: nhóm Bù Lơ cư trú vùng cao và nhóm Bù Dek cư trú vùng thấp. Về tộc danh S'tiêng có thể liên quan đến nhân vật được xem là thủy tổ của cộng đồng là Điang (Xa Điang, Xơ Điang, S'tiêng) nhân vật

này được cho là thông minh, sáng tạo, dạy cho dân rèn sắt, làm ruộng, cất nhà, đan lát, săn bắt.

*** Dân số:**

Theo số liệu điều tra dân số năm 2019, người S'tiêng có 96.646 người (trong đó có 46.503 nam, 50.146 nữ), cư trú ở 34/63 tỉnh thành của Việt Nam. Đặc biệt, khu vực miền Đông Nam Bộ là nơi có người S'tiêng đông nhất. Dân số S'tiêng phân chia theo khu vực của Việt Nam như sau:

Bảng 2.1: Phân bố dân số người S'tiêng trong cả nước

Đơn vị tính: Người

TT	Khu vực	Tổng cộng	Nam	Nữ
01	Trung du và miền núi phía Bắc	06	02	04
02	Đồng bằng sông Hồng	00	00	00
03	Bắc bộ và duyên hải miền Trung	30	17	13
04	Tây Nguyên	441	226	215
05	Đông Nam Bộ	100.437	41.105	43.825
06	Đồng bằng sông Cửu Long	29	09	20
Tổng cộng		100.752	48.804	51.633

Nguồn: [8].

Miền Đông Nam Bộ gồm các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, ba tỉnh Bình Phước, Tây Ninh và Đồng Nai là địa phương có nhiều người S'tiêng sinh sống vượt trên con số ngàn. Dân số S'tiêng phân bố theo địa phương thuộc miền Đông Nam Bộ như sau (xếp theo số lượng từ cao đến thấp):

*Bảng 2.2: Phân bố dân số người S'tiêng ở khu vực Đông Nam bộ**Đơn vị tính: Người*

STT	Tỉnh/thành	Tổng cộng	Nam	Nữ
01	Bình Phước	96.649	46.503	50.146
02	Tây Ninh	1.654	811	843
03	Đồng Nai	1.269	599	670
04	Bình Dương	153	91	62
05	Bà Rịa - Vũng Tàu	88	72	16
06	Thành phố Hồ Chí Minh	58	29	29
Tổng cộng		100.437	48.804	51.633

Nguồn: [8].

“So sánh theo số lượng dân số chung, người S'tiêng xếp thứ 21 trên 54 thành phần dân tộc của cả nước. Theo các dân tộc thiểu số vùng Đông Nam Bộ, dân tộc S'tiêng có số lượng đông đảo nhất. Theo nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, dân tộc S'tiêng có số lượng xếp thứ 6/21 dân tộc (nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer có 21 dân tộc: Bana, Brâu, Bru-Vân Kiều, Chơ - ro, Co, Cơ-ho, Cơ-tu, Giẻ-triêng, Hree, Kháng, Khmer, Khơ mú, Mạ, M'nông, Ó-đu, Rơ-măm, Tà-ôi, Xinh-mun, Xơ-đăng, S'tiêng)”.

*** Địa bàn cư trú hiện nay:**

Qua nhiều giai đoạn, địa bàn cư trú truyền thống của người S'tiêng bị thu hẹp dần, người S'tiêng không còn tụ cư riêng rẽ mà xen kẽ với các dân tộc khác và sau này rút dần về vùng rừng núi phía Bắc của Đông Nam Bộ, hiện nay là tỉnh Bình Phước.

Hiện nay, ở Bình Phước, người S'tiêng có mặt hầu hết ở các địa bàn cấp huyện, thị xã. Dân số S'tiêng ở các địa bàn hành chính này khác nhau về số lượng do sự phân chia địa giới qua các thời kỳ. Nhóm S'tiêng Bù Lơ cư trú tại địa bàn các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập và thị xã Phước Long. Nhóm S'tiêng Bù Đek cư trú địa bàn các huyện Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Đồng Phú và thị xã Bình Long, Đồng Xoài.

*** Về ngôn ngữ:**

Về ngôn ngữ, người S'tiêng thuộc ngữ hệ Môn - Khmer, dòng Nam Á, chưa có chữ viết riêng. Ngôn ngữ S'tiêng gần gũi với ngôn ngữ các dân tộc Mạ, M'ông, Cơ ho. Đây là những cư dân cùng cư trú lâu đời trên vùng đất miền Đông Nam Bộ.

Ngôn ngữ của hai nhóm S'tiêng Bù Lơ và S'tiêng Bù Đek cũng có một số khác biệt, một số từ khác biệt được thống kê như sau: [31, tr.25].

Bảng 2.3: Một số từ khác nhau giữa hai nhóm Bù Lơ và Bù Đek

S'tiêng Bù Lơ	S'tiêng Bù Đek	Nghĩa tiếng Việt
Buop	Moom	Cha
Moom	Ma	Chú
Nhêr	Thôôr	Khát (nước)
Lêc	Tơ cat	Lạnh
Sơ na	Cam	Ná (bản thú)
Tiêt	Prây	Mặn
Sơ pa	Cơ chhur	Canh

Hoi	Oh	Cay
-----	----	-----

Nguồn:[8].

Ở các vùng người S'tiêng sinh sống hiện nay chúng ta dễ dàng nhận thấy, tiếng Việt được dùng khá phổ biến trong cộng đồng S'tiêng. Trong giao tiếp giữa cộng đồng S'tiêng, đặc biệt là những người lớn tuổi, tiếng S'tiêng được dùng nhiều hơn giới trẻ. Bởi lẽ giới trẻ hiện nay tích cực tham gia vào hoạt động xã hội, học tập và giao lưu văn hóa cho nên giới trẻ người S'tiêng sử dụng tiếng Việt ngày càng nhiều, ngược lại những người lớn tuổi đa số ở trong buôn, làng cho nên đa số là sử dụng tiếng của cộng đồng mình để giao tiếp. Một số từ trong tiếng S'tiêng không có nên phải sử dụng những từ của tiếng Việt.

2.1.3. Văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước

Là một dân tộc ở miền rừng núi, sống du canh, du cư với nền kinh tế chậm phát triển, chủ yếu là kinh tế tự cung, tự cấp, cũng như các dân tộc thiểu số vùng cao khác, người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước bao đời nay đã hình thành nên cho mình một nền văn hóa riêng gắn với điều kiện môi sinh của cư dân nông nghiệp nương rẫy. Văn hóa người S'tiêng thể hiện cụ thể thông qua những lĩnh vực cơ bản sau:

- Tín ngưỡng của người S'tiêng:

Tín ngưỡng là một loại hình sinh hoạt văn hóa đặc trưng của các tộc người thiểu số ở Việt Nam, nó tồn tại lâu đời trong tiến trình hình thành phát triển văn hóa của từng tộc người. Tín ngưỡng là một nhu cầu trong sinh hoạt văn hóa tâm linh của con người, nơi gửi gắm niềm tin, ước vọng, giải thoát của nhiều tộc thiểu số. Trong đó, người S'tiêng cũng vậy, tín ngưỡng luôn có vai trò quan trọng đối với đời sống văn hóa của họ.

Người S'tiêng quan niệm mọi vật đều có linh hồn và họ thờ rất nhiều thần linh. Người S'tiêng tin tưởng vào thần linh (prak) có chức năng bảo hộ, giúp đỡ cho cá

nhân, cộng đồng, buôn, sóc. Hệ thống thần linh của người S'tiêng rất đa dạng: thần Mặt Trời, thần Mặt Trăng, thần Sấm Sét, thần Núi, thần Sông, thần Gió, thần Mưa, thần Thác Nước, thần Rẫy, thần Cây.... Quan trọng nhất trong hệ thống thần linh người S'tiêng là thần Liêng (gọi là Yang Liêng). Đây được cho là vị thần đã khai sáng lập nên vùng đất mà người S'tiêng đang sinh sống.

Là dân cư nông nghiệp lúa rẫy, tín ngưỡng hồn lúa (wang ba) được xem là tín ngưỡng đặc trưng biểu hiện qua từng nghi thức theo chu kỳ phát triển của cây lúa. Vào khoảng tháng giêng, đây là tháng mà thời tiết thuận lợi, cây cối dễ sinh trưởng và phát triển, cho nên đồng bào có lễ chọn đất làm rẫy, trước lúc tía lúa cũng làm lễ cúng xin ông bà đất, ông bà trời phù hộ để cây lúa lớn. Đến cây lúa lên, lúa trưởng thành, lúa chuẩn bị thu hoạch, đồng bào lại càng phải cúng để xin sự giúp đỡ của thần. Nếu trời nắng hạn, đồng bào lại làm lễ cầu mưa (Broh ba).

Thần Rừng (Yang pri) cũng là một trong những vị thần được người S'tiêng sùng bái và cầu nguyện trong mọi trường hợp bất trắc và cầu được sự giúp đỡ. Ở vài vùng người S'tiêng Bù Lơ thần Rừng đôi khi đứng đầu các vị thần có quyền lực vô biên. Thần Rừng quyết định mọi sự tồn tại của mọi người S'tiêng sinh sống trên vùng đất rừng dưới quyền cai quản của thần. Những đoán định về vận mệnh của các cá nhân và cộng đồng người S'tiêng thường có một số dấu hiệu được báo trước dựa trên các hiện tượng liên quan đến đất, rừng. Những rẫy mới của người S'tiêng muốn khai thác phải được sự báo mộng của vị thần Rừng, thần Đất và các vị thần khác. Các dấu hiệu như động đất, đất nê, đất lở sụt... đều được người S'tiêng coi như điềm dữ, một dấu hiệu tai họa của cá nhân, cộng đồng vì xúc phạm đến thần linh. Và để chuộc lại lỗi lầm này, người S'tiêng phải tổ chức nghi lễ hiến sinh. Người S'tiêng cố gắng giữ gìn để không xúc phạm hoặc làm ô uế đất đai, tỏ sự ngưỡng mộ và biết ơn đất rừng đã cho mình cuộc sống và nơi nương tựa.

Có thể thấy rằng, trong đời sống tín ngưỡng của người S'tiêng, lễ cúng thần linh có một vị trí đặc biệt quan trọng. Trong bất cứ hoạt động lớn hay nhỏ nào của gia đình hay cộng đồng đều cũng phải có lễ này. Nếu là một sự kiện vui mừng, người ta báo cáo thần linh, mời thần linh về dự; nếu là một sự kiện hệ trọng liên quan đến sự sống của một cá nhân hoặc cộng đồng họ cầu xin thần linh giúp đỡ, chỉ bảo, phán xét, nếu là tranh chấp thì họ cầu xin thần linh phán xét, hòa giải..., họ tin rằng đều đó sẽ mang lại sự sáng suốt, thành công cho những công việc họ đang tiến hành.

Thông qua các hoạt động tín ngưỡng của người S'tiêng, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, đã tạo nên nét văn hóa mang bản sắc riêng của dân tộc mình, góp phần vào sự đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Trong hoạt động tín ngưỡng, giúp người S'tiêng thể hiện tinh thần đoàn kết giúp nhau cùng phát triển, tôn trọng tự nhiên, kính trên nhường dưới, tư tưởng uống nước nhớ nguồn, sống có kỷ luật, khi làm những điều xấu thì sợ ảnh hưởng đến cả buôn làng. Tuy nhiên, hiện nay có một số tín ngưỡng đã dần bị phai mờ và mất dần trong điều kiện giao lưu cùng với nhiều văn hóa của dân tộc khác cho nên ít nhiều cũng bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của người S'tiêng cần được quan tâm để giữ gìn những nét đẹp của văn hóa truyền thống từ đó góp phần đa dạng hóa nền văn hóa Việt Nam.

- Lễ hội của người S'tiêng:

Trong xã hội truyền thống, hoạt động kinh tế chính của người S'tiêng là trồng trọt. Trong đó, lúa là cây trồng cung cấp nguồn lương thực chính cho cả cộng đồng. Người S'tiêng xem trọng cây lúa và có những ứng xử thể hiện trong tín nhiệm cũng như những nghi lễ trong quá trình canh tác liên quan đến chu kỳ cây lúa. Hiện nay, tùy theo nhóm cộng đồng của từng địa phương mà có sự giản lược trong cách tổ chức các nghi lễ trong nông nghiệp.

+ Lễ cầu mưa: người S'tiêng gọi là Xên đak mi. Thời gian diễn ra lễ hội thường được tiến hành đầu mùa gieo hạt, tháng 2 đến tháng 3 âm lịch. Người người S'tiêng tổ

chức lễ hội cầu mưa để tri ân các vị thần Bra Wa (thần Lúa), thần Bra An - Bra Trôk (thần Trời), Bra Ter (thần Đất)...chuẩn bị cho trồng tía mới. Lễ hội này gắn với một truyền thuyết của cư dân S'tiêng.

Theo truyền thuyết:

Từ rất xa xưa của người Spa Chal sáng nào cũng có mưa, đêm nào cũng có mưa - mưa suốt ngày suốt đêm, nước chảy thành sông. Dưới đồng lúa tốt tươi, dưới suối cá lội tung tăng. Trong rừng chim chóc muông thú nhiều như lá tre. Người xứ Spa Chal có cuộc sống phồn thịnh, no ấm. Ngược lại người S'tiêng ở xứ Jiêng thì đã ba bốn năm rồi trời không có mưa, con người đã chết nhiều rồi vì không có nước uống, trên rừng cả củ chụp cũng hết không còn gì để ăn, mọi người phải mang công chiêng đến xứ Spa Chal để đổi lúa. Cứ một cái công thì được một lượng lúa bằng nắp công, nắp chiêng. Một con người chỉ đổi bằng một lượng lúa chỉ đầy hai lỗ tai của người đó. Lúc đó Jiêng con của trời ở xứ của Jiêng bèn khăn gói lên trời trách cha - là vị cai quản trên trời có tên là Bra Ân rằng: trời không công bằng. Tại sao xứ người Spa Chal có nhiều mưa trong lúc đó xứ của Jiêng ba đến bốn năm nay không có mưa. Bra Ân nói rằng để có mưa người hãy về nhà làm lễ cầu mưa với lễ vật là heo, gà, rượu cần, cơm lam, công chiêng và cả cây nêu để cầu xin các thần thì sẽ có mưa. Nghe lời cha sau khi về xứ của mình Jiêng huy động dân làng sắm lễ vật và làm đúng như lời cha dạy. Quả nhiên đúng như lời cha nói, sau khi làm lễ xong thì trời đổ mưa như trút. Từ đó, hàng năm cứ vào cuối mùa nắng người S'tiêng đều ghi nhớ tích truyện và làm theo lời Jiêng dạy, hầu hết các sóc đều tổ chức lễ cầu mưa.

Lễ hội cầu mưa được tổ chức với mục đích: trước là tri ân các vị thần như: Bra Ân - Bra Trôk (thần Trời), Bra ter (thần Đất), Bra va (thần Lúa) ... và rất nhiều các vị thần khác đã cho những cơn mưa để gieo trồng ở các vụ mùa trước, sau là cầu xin các vị thần ban cho thần dân S'tiêng và muôn loài những cơn mưa đúng thời điểm - mùa

vụ để con người có nước sinh hoạt, gieo trồng... Lễ hội cầu mưa là một lễ hội tín ngưỡng phồn thực, cầu mong cho mưa thuận gió hoà, để vạn vật được sinh sôi nảy nở.

Lễ cúng kho lúa: Tiếng S'tiêng gọi là Hao Trôl wa, lễ cúng kho lúa có thể xem như ngày tết của cả một cộng đồng người S'tiêng. Việc tổ chức lễ hội phụ thuộc vào các điều kiện về kinh tế, môi trường tự nhiên và hoàn cảnh xã hội cụ thể, người S'tiêng cho rằng hồn lúa (Weeng Va) là một cô gái (trẻ đẹp, đoan trang, phúc hậu... sẵn sàng giúp đỡ mọi người) và ứng xử như với một con người đặc biệt. Việc để lúa ngoài rẫy, phơi nắng, phơi sương, phơi mưa, chịu cảnh bùn lầy, chim, thú phá hoại... là việc làm mà người S'tiêng không muốn. Vì vậy, khi thu hoạch lúa về người S'tiêng luôn cảm thấy như có lỗi với hồn lúa. Lễ này cũng có ý nghĩa như tri ân những vị thần, trước hết là hồn lúa, sau đó là tổ tiên, ông bà và các thần linh đã phù hộ cho mùa màng, người S'tiêng tổ chức lễ hội này mời các thần linh chứng giám tấm lòng thành kính của cộng đồng và cầu an cho mùa sau.

Theo lệ thì hai hoặc ba năm, người S'tiêng tổ chức lễ lớn và làm trâu hiến tế. Trâu được chọn hiến tế là trâu đực có sừng từ một gang tay trở lên, các lễ vật khác gồm một con heo, một con gà, ba ché rượu cần. Nhà chứa lúa (Trôl wa) nếu nhà lúa bị hư hỏng nặng thì phải làm lại mới hoàn toàn, được quét dọn, trang trí lại cho đẹp. Người S'tiêng trang bị hai cây nêu: một cây nêu lớn để dựng ngoài sân để đâm trâu, một cây nêu nhỏ dựng trong kho lúa (Xiar Trôl wa).

Bên cạnh lễ hội lớn truyền thống của người S'tiêng, thì trong cộng đồng người S'tiêng cũng còn nhiều lễ hội khác như: lễ cúng trĩu lúa, lễ cúng lúa lớn, lễ cúng lúa trở bông, lễ cúng ăn cơm mới, lễ mừng nuôi nhiều trâu, lễ phá bầu, lễ hội mừng nuôi nhiều trâu...tất cả lễ hội này đều có giá trị riêng của nó, được truyền đời này qua đời khác, nhưng không tổ chức thường xuyên, khi nào có điều kiện họ mới tổ chức. Ở đây, tác giả chỉ đi sâu vào tìm hiểu giá trị của hai lễ hội lớn như trên đối với người S'tiêng.

Trong lễ hội cúng kho lúa, được tổ chức ngay khi thu hoạch gùi lúa đầu tiên, được xem là lễ hội cổ truyền của người S'tiêng cho nên nó có nhiều giá trị văn hóa được lưu giữ thông các hoạt động của lễ hội, trong đó nổi bật nhất đó là tục đâm trâu và tục đâm trâu này được tiến hành cũng với nhiều lý do khác nữa như: mừng chiến thắng, mừng được mùa, mừng làm ăn phát đạt, hoặc nhân dịp tết cổ truyền [22, tr.44]. Có thể nói tục đâm trâu là một sinh hoạt văn hóa đặc trưng, mọi người cùng múa, hát và đặc biệt là đánh công chiêng.

Có thể nói lễ hội cúng kho lúa là giá trị văn hóa lưu truyền của cộng đồng người S'tiêng, nó gắn liền với nền văn hóa và sản xuất nông nghiệp của họ. Qua lễ hội này là để người S'tiêng tri ân những vị thần, trước hết là hồn lúa, sau đó là tổ tiên, ông bà và các thần linh đã phù hộ cho mùa màng, người S'tiêng tổ chức lễ hội mời các thần linh chứng giám tấm lòng thành kính của cộng đồng và cầu an cho mùa sau. Đó là những nét văn hóa truyền thống của người S'tiêng, cho nên việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống đó không chỉ là trách nhiệm của người S'tiêng mà còn là nhiệm vụ của mỗi con người chúng ta.

- Văn hóa ẩm thực của người S'tiêng:

Ẩm thực của người S'tiêng không chỉ món ăn thức uống nhằm đáp ứng nhu cầu hàng ngày mà còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, thể hiện nét văn hóa riêng của cộng đồng mình. Vì lẽ đó, việc giữ gìn và phát huy những giá trị trong văn hóa ẩm thực của người S'tiêng cũng cần được quan tâm, góp phần làm đa dạng hóa nền văn hóa Việt Nam, thực hiện tốt quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng, tạo động lực cho sự phát triển của xã hội.

+ Com ống: Cũng như nhiều dân tộc khác, đây là món ăn đặc trưng, có xuất xứ từ xưa, gắn liền với đời sống cư dân canh tác nương rẫy, cư trú gần rừng và là món ăn truyền thống của người S'tiêng.

Nguyên liệu chế biến: Chủ yếu là gạo, nguyên liệu này chủ yếu lấy từ việc người dân trồng tía trên nương, rẫy, có thể trộn lẫn cùng đậu xanh, đậu đen, đậu phộng... Vật dụng nấu gồm, ống tre, nứa, lò ô có ruột rộng lớn để chứa được nhiều nguyên liệu, ống tre không quá già hoặc non. Nếu ống tre quá già thì lượng phân sẽ không đủ thơm cho cơm, còn ống tre quá non sẽ dễ bị cháy khi nấu.

Đây là món ăn đặc trưng, ngoài vai trò cung cấp dưỡng chất, năng lượng cho cơ thể, món này tiện dụng và phù hợp với điều kiện sản xuất và lao động của người S'tiêng xưa, khi làm xa nhà, họ chỉ cần mang theo gạo khi đói có thể chế biến ngay tại chỗ để ăn, cũng có thể chế biến ngay ở nhà mà đi theo rất thuận tiện. Trong các hoạt động lễ, hội ngoài việc cơm ống để làm lễ vật và dùng tại chỗ, cơm ống còn được dùng để làm quà cho các gia đình, khách đến dự lễ hội.

+ Canh bồi, canh thụt: Đây là món ăn đặc trưng, thông dụng được sử dụng thường xuyên trong đời sống người S'tiêng. Ngoài việc sử dụng bữa ăn hàng ngày thì món ăn này không thể thiếu trong các lễ hội truyền thống của người S'tiêng.

Nguyên liệu chủ yếu là các loại rau rừng dùng được tại chỗ như lá nhíp non, đọt mây, rau dền, lá - hoa - trái mướp no, măng tre tươi, gạo, lá nhao già - một loại cây rừng có vị ngọt để tạo vị ngọt tự nhiên cho các món ăn, các món loại thịt như heo, trâu, tôm, tép (không cho cá vì có mùi tanh). Vật dụng chế biến món này, trước đây người S'tiêng cũng sử dụng ống tre, nứa. Ngày nay, các loại xoong, nồi, tùy thuộc vào điều kiện, mục đích sử dụng, số người ăn nhiều hay ít mà sử dụng cho phù hợp.

+ Đọt mây nướng: Đọt mây là nguyên liệu có sẵn từ rừng, là các món ăn không thể thiếu trong các lễ hội và là nguyên liệu để chế biến các món ăn hàng ngày. Có ba hình thức nướng đọt mây phổ biến là đọt mây bỏ ống tre nướng, nướng trên lửa và vùi dưới than hồng. Đọt mây bỏ ống tre nướng là phương pháp tước bỏ phần vỏ lá bên ngoài, lấy phần nõn non bỏ vào ống tre sau đó nướng trên lửa hoặc than. Món đọt mây

nướng lửa hay vùi than hồng giống như nướng củ sắn, mỳ tươi, có hương vị rất thơm, bùi và không dai vì còn giữ nước.

Đọt mây với vị ngọt, đắng, bùi, béo lại giàu dinh dưỡng, là món ăn đặc trưng và trở thành một trong những nét văn hóa ẩm thực tiêu biểu của người S'tiêng. Trước đây, món ăn này khá phổ biến trong cộng đồng cư dân S'tiêng tuy nhiên giờ thu hẹp dần, thường chỉ sử dụng để tiếp đãi khách trong các dịp lễ hội, sinh hoạt cộng đồng ở các xã khu vực Bù Đăng, Bù Gia Mập.

+ Mắm bò hóc: Đây là loại mắm tiêu biểu của người S'tiêng. Mắm được làm từ các loại cá đồng loại nhỏ. Các loại cá dùng để làm mắm có thể là

cá bắt được từ đánh bắt được ở sông suối, ao hồ hoặc xúc được ở

lễ hội phá bầu lượng cá xúc được khá lớn không thể dùng hết một

lúc nên làm mắm để ăn dần.

+ Rượu cần: Rượu cần là thức uống đặc trưng của nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam, trong đó, có đồng bào người S'tiêng. Rượu cần có hương vị thơm ngon đặc biệt, nồng độ không cao, ít gây hại cho sức khỏe, được làm từ nguyên liệu chính là lá, vỏ cây rừng, gạo, qua quy trình lên men, ủ bỗng, chế rượu nghiêm ngặt, thời gian chế biến thường rất dài và rượu nguyên liệu ủ để càng lâu thì khi chế biến ra rượu uống càng ngon.

Rượu cần là thức uống có men, nó tạo thêm niềm phấn khích, hứng khởi cho mọi người nếu trong tiệc có ánh lửa, có công chiêng dập dìu thì lòng họ sẽ lâng lâng một cảm giác khoái cảm để rồi hòa cùng không khí đó mà nhảy múa, ca hát, vui vẻ thâu đêm suốt sáng mà không hay. Rượu cần không chỉ là thức uống đơn thuần mà nó còn gắn chặt với đời sống văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng của người S'tiêng, là thức uống, lễ vật quan trọng không thể thiếu trong từng nghi lễ của cộng đồng như lễ mừng

lúa mới, lễ lập làng mới, lễ phá bầu... hay các nghi lễ có tính dấu mốc đời người, như lễ đặt tên cho con trẻ, lễ cưới hỏi, ma chay...

- Tổ chức gia đình và cộng đồng của người S'tiêng

+ Hôn nhân và gia đình:

Thanh niên nam, nữ S'tiêng đến tuổi trưởng thành tự do tìm hiểu để tiến tới hôn nhân. Sau khi tình yêu chín mùi thì họ thông báo với hai bên gia đình và dự liệu cho các việc tiến đến hôn nhân chính thức.

Lễ dạm hỏi (bản tin): Gia đình người S'tiêng luôn thận trọng tiến hành các bước để tiến tới các nghi thức đám cưới cho con cái; đặc biệt là gia đình của chàng trai. Nhà trai mời hai ông mai, là những người lớn tuổi, am hiểu phong tục, đặc biệt là phải biết diễn xướng bằng lời hát gia phả (còn gọi là La nao).

Lễ cưới: Người S'tiêng gọi là Karsai, thời gian diễn ra lễ cưới của người S'tiêng thường tổ chức vào tháng 10 đến tháng 12 âm lịch. Lễ cưới được chuẩn bị khá chu đáo. Nhà trai dựng cột buộc trâu bằng tre lồ ô và một cây nêu nhỏ. Đêm trước ngày cưới, ông mai và gia đình nhà trai qua nhà gái bàn lễ cưới.

+ Tổ chức cộng đồng:

Xã hội S'tiêng được tổ chức theo từng đơn vị bon (buôn) độc lập với nhau. Mỗi buôn thường có 2 đến 5 nhà dài, buôn thường được xây dựng ở những nơi gần các dòng suối nhỏ, các con thác, những nơi có địa hình hiểm trở. Buôn thường có hàng rào xung quanh, được phòng thủ chặt chẽ. Mỗi buôn S'tiêng đều có một khoảng đất rừng riêng biệt và họ thường du canh du cư trong vùng đất rừng đó. Đứng đầu mỗi buôn S'tiêng và chịu trách nhiệm quản lý xã hội chung còn có:

Tom bon: là người đứng đầu buôn, chuyên lo điều hành, giải quyết các công việc nội bộ của buôn như: di dời làng đến nơi ở mới, chọn đất làm nương rẫy, bảo vệ

làng chống cướp phá, thương lượng và chuộc lại người bị bắt khi xảy ra tranh chấp. Thường những tom bon được chọn trong các tom yau (tộc trưởng) có uy tín, được suy tôn đứng đầu làng.

Bu kuông: là những người già có uy tín, am hiểu phong tục, hiểu biết rộng, chuyên lo việc cố vấn cho các tom bon để nhằm duy trì trật tự, bảo tồn các tập tục truyền thống của làng.

Prăk: thầy bói, thầy cúng. Theo quan niệm của người S'tiêng thì Prăk là người có khả năng giao tiếp được với thần linh, giúp người trong làng chữa bệnh, cúng tế.

Thông qua những hình thái tập hợp người, tổ chức cộng đồng trong xã hội, người S'tiêng đã tạo nên cố kết cộng đồng cao, tạo ra nét văn hóa riêng mang đậm bản sắc của dân tộc mình. Từ đó, mỗi người đều có trách nhiệm giữ gìn và truyền lại cho thế hệ sau những kinh nghiệm trong đời sống thường ngày như trong sản xuất, kinh nghiệm sống, chinh phục tự nhiên và cách ứng xử, nhân cách con người.

- Nghệ thuật dân gian

+ Nghệ thuật công chiêng:

Văn hoá công chiêng được bắt nguồn từ văn minh Đông Sơn cổ đại, nền văn minh được biết đến với tư cách là một nền văn hoá trống đồng nổi tiếng ở Đông Nam Á. Nghệ thuật công chiêng của Việt Nam đã phát triển đến một trình độ cao so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Giá trị văn hóa của công chiêng ở Việt Nam có vị thế đặc biệt nổi bật trong hệ nhạc khí cổ truyền bởi nó bắt nguồn từ sự tổng hoà các giá trị văn hóa đa dạng như: giá trị biểu thị đặc trưng và bản sắc văn hóa vùng; giá trị biểu thị đặc trưng văn hóa tộc người hoặc nhóm tộc người; giá trị phản ánh đa chiều; giá trị nghệ thuật; giá trị sử dụng đa dạng; giá trị vật chất; giá trị biểu thị sự giàu sang và quyền uy; giá trị tinh thần; giá trị cố kết cộng đồng và giá trị lịch sử.

Cồng chiêng của người S'tiêng là bộ nhạc cụ gồm công có 5 chiếc từ lớn đến nhỏ và chiêng có 6 chiếc. Về phân bố mật độ công chiêng được chia thành nhiều khu vực rõ rệt. Đối với công (Gông, có núm) tập trung nhiều khu vực của đồng bào người S'tiêng Bù Đek như ở các huyện Lộc Ninh, Bình Long, Đồng Phú và một số xã vùng thấp của huyện Bù Gia Mập. Ngược lại, Chiêng (Ching, phẳng không có núm) có mặt nhiều trong nhánh người S'tiêng Bù Lơ, cư ngụ ở các xã của huyện Mù Gia Mập, Bù Đăng [18].

Đối với cộng đồng người S'tiêng, biên chế các bộ công chiêng được quy định rất nghiêm ngặt và thống nhất trong toàn bộ cộng đồng, mọi hoàn cảnh. Với biên chế cố định như vậy nên người S'tiêng không dùng cho tên gọi cho từng các dân tộc khác ở Trường Sơn - Tây Nguyên, thực tế chỉ có tên gọi cho từng chiếc trong bộ.

Cồng chiêng có vị trí hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa của người S'tiêng. Qua bao biến động thăng trầm của lịch sử, văn hóa công chiêng vẫn được duy trì và lưu truyền cho đến ngày hôm nay. Đối với người S'tiêng công chiêng là sự biểu hiện của sức mạnh vật chất, là của gia bảo cha truyền con nối thể hiện sự giàu có của từng gia đình, từng dòng tộc hay từng cộng đồng. Chính vì vậy công chiêng rất phổ biến trong đồng bào người S'tiêng. Mật độ công chiêng ở đồng bào dân tộc người S'tiêng rất nhiều, nhiều gia đình có công chiêng, sóc nào ít nhất cũng có một bộ. Nhưng hiện nay, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân đời sống kinh tế khó khăn, nhiều người mang đi đổi những bộ công chiêng này cho nên số lượng công chiêng hiện nay ngày càng giảm sút.

Văn hóa công chiêng không chỉ thể hiện ở kỹ thuật diễn tấu mà còn mang đậm ý nghĩa tâm linh. Khi âm thanh của công chiêng vang lên, đồng bào quan niệm có thể giúp con người thông tin trực tiếp đến đấng thần linh, cũng là cầu nối giữa các thành viên trong cộng đồng. Mọi thành viên trong gia đình, trong buôn làng từ khi ra đời đã

được làm quen với âm thanh công, chiêng. Người S'tiêng có cả điệu công chiêng để ru con. Khi trưởng thành, tiếng công chiêng thấm thâu trong tâm hồn người S'tiêng qua các lễ hội, các hoạt động văn hóa - xã hội, âm thanh của tiếng công, tiếng chiêng tạo chất men để lôi cuốn gái trai, cộng đồng hòa mình vào những điệu múa hào hứng vui tươi hoặc da diết. Trong ngày vui của đôi trai gái, công chiêng vừa làm sinh lễ, vừa là âm nhạc để mọi người cùng chung vui. Khi gặp thiên tai, địch họa tiếng công chiêng lại vang lên loan báo, kêu gọi, thúc giục, đoàn kết cộng đồng lại cùng nhau đối phó với những khó khăn. Khi một thành viên trong gia đình nằm xuống, công chiêng lại ngân lên điệu nhạc tiễn người ra đi. Trong diễn tấu tiễn biệt người quá cố, dàn công chiêng được bỏ bớt 3 chiếc, âm thanh của các bài công chiêng không giống như bình thường, âm hưởng biểu hiện sự bất an, thương nhớ luyến tiếc. Công chiêng còn sử dụng trong các nghi lễ, lễ hội của gia đình và buôn làng, trong những dịp tiếp khách quý.

+ Nghệ thuật múa:

Múa là nghệ thuật độc đáo của người S'tiêng mang những nét đặc thù. Phân loại múa của người S'tiêng, khi nghiên cứu ta thấy có ba loại hình múa: múa sinh hoạt, múa lao động và múa tín ngưỡng. Tham gia diễn múa, tùy theo tính chất của cuộc trình diễn mà số lượng người tham gia, có những điệu múa trong tín ngưỡng chỉ có những cá nhân trình diễn như múa Bà Bống. Bà Bống là danh xưng chỉ những phụ nữ thực hiện các nghi thức chính trong những lễ cúng liên quan. Những điệu múa tập thể của người S'tiêng thường diễn ra trong cộng đồng khi tổ chức lễ hội: múa lục lạc, múa biểu diễn cùng công chiêng, một số điệu thức múa khác thể hiện những hoạt động trong lao động, trong sinh hoạt hằng ngày.

Những điệu múa cơ bản của người S'tiêng như:

Loại múa về lao động: múa giã gạo, múa chọc lỗ tra hạt, múa phát nương, múa làm cỏ, múa cắt lúa, múa tuốt lúa, múa đập lúa, múa sàng gạo.

Loại múa về sinh hoạt: múa đêm nay lửa sáng, múa mừng đi hội, múa chim cú cu, múa trống Xa gơ.

Loại múa tín ngưỡng: múa dâng lễ, múa quanh cây nêu, múa đuổi ma, múa mừng ăn trâu, múa mừng lúa mới [35, tr.147-148].

Múa dân gian của người S'tiêng Bù Lơ có sự khác biệt rõ rệt so với của người S'tiêng Bù Đek. Nếu múa dân gian của người S'tiêng Bù Đek nổi bật với nhiều chất thiêng, trầm lắng, có lúc toàn thân như đứng im, chỉ nhún nhẹ theo tiết tấu nhạc thì tiết tấu múa của người S'tiêng Bù Lơ nhanh, vui, dứt khoát, tính chất hoang dã, gần gũi thiên nhiên.

Đối với người S'tiêng, múa là ngôn ngữ giao tiếp với thần linh đáp ứng nhu cầu tâm linh của dân tộc. Đồng thời, hoạt động múa hát cũng nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giao lưu tình cảm cá nhân, dòng họ trong cộng đồng với các tộc người láng giềng. Múa dân gian hình thành từ các lễ thức của tín ngưỡng như: các tổ hợp múa: từ lễ thức xin phép, cầu khấn, tạ ơn; từ lễ thức ngăn cản, xua đuổi tà ma xâm nhập, trừ khử ô uế; từ lễ thức ban phép làm tăng sức lực.

Những điệu múa của dân tộc S'tiêng mang đậm giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật và giá trị xã hội, góp phần làm phong phú, đa dạng kho tàng văn hóa của người Việt Nam.

- Hệ thống luật tục:

Người S'tiêng cũng như nhiều người dân tộc ít người khác ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ, có cả một hệ thống những nguyên tắc quy định về quan hệ ứng giữa cá nhân và cộng đồng. Những quy tắc đó, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, luật tục của người S'tiêng cũng là cơ sở để vận hành xã hội trong cộng đồng của mình, cho nên nó mang những giá trị mang bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Cho nên, ngày nay việc giữ gìn và phát huy nó luôn có giá trị góp phần vào sự phát triển chung của cả xã hội.

Luật tục của người S'tiêng bao trùm hầu hết các hoạt động sống của cộng đồng và quy định khá cụ thể về các tội phạm, nặng nhất là tội ma lai (chă); tội xâm phạm sự cấm kỵ, phỉ báng thần linh (Lah cang rai); lừa đảo, trộm cắp; loạn luân (Đoăng ih).

Ma lai được cho rằng là loại ma quỷ nguy hiểm nhất, chúng đội lốt người hoặc nhập vào một người nào đó và sinh sống trong buôn làng như những người bình thường khác, mang lại sự đau, ốm chết chóc cho buôn làng. Theo quan niệm người S'tiêng người có ma lai bên ngoài cũng bình thường nhưng vào ban đêm những người này sẽ lia hồn khỏi xác bay đi hút máu, ăn ruột gan người khác, khiến người bị ma lai hại ốm đau liên miên hoặc bị chết, đây được xem là tội nặng nhất. Ma lai là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự nghi ngờ trong cộng đồng, có thể xảy ra tình trạng nghi ngờ trong cộng đồng điều mà người S'tiêng luôn lo lắng và cảnh giác [33, tr.358].

Người S'tiêng rất coi trọng lời hứa, những sự cam kết và họ không chấp nhận hành vi gian xảo xâm phạm tài sản người khác. Do đó, rất ghét những kẻ trộm cắp, lừa đảo và nếu bắt được kẻ trộm cắp, lừa đảo kẻ đó sẽ bị cả làng bắt phạt.

Trong mối quan hệ hôn nhân người S'tiêng không cho phép những người cùng dòng họ (mpol) kết hôn với nhau hoặc có quan hệ tính giao, việc hết hôn giữa những người cùng họ được xem là loạn luân, người S'tiêng coi đó là nguồn gốc sinh ra dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt, sét đánh, đất lở gây tổn hại buôn làng. Những người vi phạm sẽ bị các hình phạt nặng nề, nặng nhất là sẽ bị đuổi ra khỏi làng, xem nó như một nhục hình. Các hình phạt nặng nề thực chất được áp dụng trên là nhằm bảo vệ danh dự cá nhân và cộng đồng.

Luật tục cũng còn một số điểm còn lạc hậu, ảnh hưởng của yếu tố thần linh, mang tính chủ quan của cá nhân. Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rằng luật tục này chỉ có giá trị đối với người S'tiêng, mang tính nội tộc, thể hiện nét văn hóa độc đáo được khẩu truyền từ đời này sang đời khác nhằm giáo dục thế hệ sau thấy rõ được luật của dân tộc mình.

Luật tục người S'tiêng không có sự phân biệt đối xử trong xét xử những người tội phạm. Trong cộng đồng, mối quan hệ giữa con người với nhau được đề cao. Đối với người cao tuổi, mọi sự xúc phạm hoặc đối xử bất kính đều bị xem là vi phạm luật tục bởi vì trong một xã hội nông nghiệp trọng kinh nghiệm, người già được xem là trụ cột, là chỗ dựa tinh thần của buôn làng. Những người nghèo khổ được cứu mang, đùm bọc. Qua luật tục chúng ta thấy rõ được giá trị nét văn hóa truyền thống của người S'tiêng, thể hiện được tính nhân văn, truyền thống uống nước nhớ nguồn, tính nghiêm khắc và trách nhiệm của mỗi thành viên đối với tập thể và cũng qua luật tục chúng ta cũng thấy có nét tương đồng trong văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, những giá trị mang bản sắc của văn hóa Việt Nam mà ngày nay chúng ta đang tiếp tục giữ gìn và phát huy nó.

- Trang phục truyền thống của người S'tiêng

Người S'tiêng sống xen kẽ với các tộc người Việt, Khmer, Chăm, M'ông...và là dân cư nông nghiệp nên các nghề trồng lúa rẫy, lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nghề thủ công (rèn, đan, dệt vải, đóng xe trâu) phát triển từ rất sớm.

Trang phục của người S'tiêng thể hiện văn hóa của tộc người. Đó là thành quả sáng tạo từ lao động, từ việc tạo nguyên liệu, trồng bông, chăn tằm đến nhuộm màu và dệt vải. Nghề dệt nói chung, nghệ thuật làm thổ cẩm nói riêng mang đậm dấu ấn tư duy cũng như sự sáng tạo và lao động cần mẫn của phụ nữ S'tiêng. Trang phục của người S'tiêng cũng rất đơn giản, phù hợp với điều kiện khí hậu rừng nhiệt đới và thuận tiện trong sinh hoạt, lao động của cư dân nông nghiệp ở khu vực chuyển tiếp Nam Tây Nguyên và Đông Nam bộ, trang phục của người S'tiêng cũng góp phần khẳng định hệ thống xã hội của người S'tiêng chưa có sự phân hóa. Trang phục của người S'tiêng phân loại theo giới tính như sau:

Trang phục cho đàn ông: Đàn ông thường đóng khố, ở trần, đeo chiếc cà gạt nhỏ trên vai hoặc dắt hông một con dao, đi chân trần. Khố thường có chiều dài từ 3,5 -

5m, chiều ngang từ 0,2 - 0,3m; là một tấm thổ cẩm được người S'tiêng dệt thủ công từ những vật liệu là vỏ cây hoặc bông tự trồng thành sợi, rễ cây rừng và lá rừng tạo thành màu nhuộm có màu sắc đẹp mắt. Khố thường được quấn quanh hông che phần dưới cơ thể của người đàn ông, hai đầu phủ che đằng trước và hông của người mặc có độ dài khác nhau, phía trước ngắn hơn phía sau.

Mặc khố, ở trần thể hiện một cơ thể rắn rỏi, khỏe mạnh với người đàn ông. Trong quá trình thực địa của đề tài, có thể phân loại sự khác nhau về loại hình khố

của người đàn ông ở một số địa phương như sau: Tại xã Bình Minh, huyện Bù Đăng: Khố có chiều dài trung bình 4m, chiều ngang 20 - 30cm. Điểm nhấn nổi bật của khố là cách hoa văn ở hai đầu chiều ngang, viền tua rua se thành sợi dài

bằng chiều ngang của khố thể hiện trên hai vạt đằng trước, đằng

sau của người mặc; đặc biệt ở vùng này ngoài trang trí hoa văn cầu

kỳ, nhiều màu sắc nổi còn kết những bông hoa bằng sợi theo chiều

dọc từ điểm nhấn của hoa văn đến cuối đầu khố se lại bằng kim

loại (ngày xưa làm bằng đồng, hiện nay đã thay thế bằng nhôm). Trước đây, hoa văn thể hiện trên khố có phân biệt đằng trước,

đằng sau của người mặc; giờ thì dệt giống nhau. Khố đóng đằng

trước ngắn hơn đằng sau khoảng 20cm, dài đằng trước qua khuỷu

gối, đằng sau chấm gót chân.

Tại xã An Khương, huyện Hớn Quản và xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập: khố có chiều dài trung bình 3,5m, chiều ngang 30cm. Hoa văn và màu sắc khố đơn giản hơn, thường là màu của thiên nhiên sông, rừng, cây, lá...Dáng của khố là một tấm vải được dệt ra và quấn lên người mặc, không cầu kỳ như khố người S'tiêng

xã Bình Minh dệt. Người đàn ông S'tiêng truyền thống thường nhật mặc khố. Mùa lạnh thường quàng thêm tấm đắp cho ấm, nhưng trong lễ hội truyền thống có vùng thêm một tấm thổ cẩm xếp lại quàng chéo qua vai tạo thành hình chữ X trước ngực và sau lưng (đàn ông S'tiêng cả vùng Bù Lơ, Bù Đek), khổ vải cũng như chiều dài tấm vải giống nhau hoặc rộng, dài hơn khố. Nói đến hình tượng trang phục của người đàn ông S'tiêng thường nghĩ đến đóng khố và cái xà gạt. Xà gạt (bằng thép) là công cụ hỗ trợ đắc lực của người đàn ông trong việc dọn rẫy, trồng trọt. Ngày nay, có nơi chỉ đóng khố, có nơi mặc áo, đóng khố. Áo của người đàn ông S'tiêng giống như áo của đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, áo chui đầu, không có tay, hoặc áo có hai thân trước có hàng cúc.

Trang phục của phụ nữ: Phụ nữ quần váy (xà rộng, quây), thường ngày cũng ở trần như đàn ông. Váy là tấm thổ cẩm được chính tay người mẹ, người chị hoặc chính bản thân người mặc dệt để phục vụ cho gia đình.

Người phụ nữ S'tiêng thường ngày quần váy từ hông đến xuống chân người mặc, ở trần hoặc mặc áo, đi chân trần. Trong lễ hội, các ngày trọng đại của gia đình phụ nữ mặc váy nhiều màu sắc kèm theo các phụ kiện trang sức nhiều như bông tai bằng ngò voi hoặc bằng bạc; vòng tay đeo bằng bạc, đồng; vòng đeo cổ bằng bạc, đồng, ngày nay còn đeo hạt cườm bằng nhựa; kiềng chân bằng đồng từ cổ đến đầu gối chân; trên đầu quấn tóc giắt bằng lược ngà, lược sắt, giắt lông chim có màu sắc sặc sỡ, trâm cài bằng gỗ.

Bản chất hoa văn là trang trí, làm đẹp, để biểu cảm, bằng những khuôn mẫu nhất định của hình khối, đường nét, màu sắc có chọn lọc, có mục đích rõ ràng. Những khuôn mẫu được cộng đồng ưa thích được bảo tồn truyền qua nhiều thế hệ trở thành truyền thống. Có thể nói, cùng với việc tạo dáng, xử lý màu sắc, trang trí các mô típ hoa văn đã tạo nên giá trị thẩm mỹ của trang phục người S'tiêng. Nó không chỉ tôn lên vẻ đẹp cho người sử dụng trang phục mà còn ẩn chứa những giá trị tinh thần của văn hóa tộc người được hình thành và hun đúc trong suốt tiến trình phát triển. Đây chính là một phần bản sắc văn hóa của người S'tiêng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trong xã hội truyền thống người S'tiêng không có thợ thủ công, thợ may chuyên nghiệp để cắt may trang phục cho mỗi cộng đồng. Người thợ may trang phục chính là phụ nữ trong gia đình, mỗi gia đình tự hình thành sự phân công lao động theo giới tính. Nam làm việc rèn, đan lát; phụ nữ dệt vải, cắt may trang phục, nhuộm vải. Trong bối cảnh đó của cộng đồng và mỗi gia đình S'tiêng, nhiều giá trị văn hóa trang phục được ra đời và lưu truyền đến nay.

2.1.4. Những nhân tố tác động đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở Bình Phước

- Tác động của quá trình giao lưu và hội nhập về kinh tế.

Ở Việt Nam, qua suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước đã chứng minh rằng, vùng dân tộc thiểu số luôn có vị trí chiến lược và ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước, đây là nơi có tiềm năng to lớn về các loại tài nguyên như: tài nguyên rừng, tài nguyên thủy điện, tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, ở những vùng này sự phát triển về kinh tế vẫn còn hạn chế, quá trình giao lưu và hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế là một đòn bẩy mạnh mẽ tác động một cách tích cực đến kinh tế và đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, điều này thể hiện khá rõ nét đối với người S'tiêng ở Bình Phước hiện nay.

Trước tiên, giao lưu và hội nhập kinh tế góp phần thúc đẩy sản xuất trong đồng bào người S'tiêng: thu nhập chính của người S'tiêng chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Hội nhập đã mang đến những thành quả phát triển về khoa học và công nghệ giúp người dân dần tiếp thu với phương thức sản xuất mới, tạo ra năng xuất lao động cao hơn, dần xóa bỏ phương thức sản xuất lạc hậu, công cụ sản xuất thô sơ hiệu quả thấp trước kia. Từ đó, đời sống kinh tế của đồng bào có sự tăng trưởng đáng kể.

Giao lưu và hội nhập kinh tế góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm của đồng bào. Trong văn hóa truyền thống người S'tiêng với nền sản xuất tự cung, tự cấp, người dân chỉ sản xuất chỉ đủ đáp ứng nhu cầu của gia đình và trao đổi những vật dụng cần thiết. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế bước đầu tạo điều kiện cho việc xuất khẩu một số hàng hóa nông sản của đồng bào như: Cà phê, cao su, tiêu, điều, sắn (củ mì)... giao lưu hội nhập kinh tế góp phần thúc đẩy thu hút các nguồn lực đầu tư vào việc phát triển cơ sở hạ tầng, các ngành sản xuất và dịch vụ trong vùng đồng bào dân tộc S'tiêng.

Dưới tác động của quá trình giao lưu và hội nhập kinh tế, đời sống kinh tế người S'tiêng ngày càng được nâng cao, công cuộc xóa đói giảm nghèo đối với người S'tiêng đạt được nhiều kết quả làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển đời sống văn hóa của mình. Tuy nhiên, quá trình giao lưu hội nhập diễn ra nhanh dẫn đến một số ít người S'tiêng không thích nghi được với những thay đổi trong đời sống hàng ngày, thờ ơ với những cái mới. Cho nên, bên cạnh những gia đình có cuộc sống khá giả nhờ biết cải tiến phương thức làm kinh tế, tăng cao thu nhập thì cũng có một bộ phận người S'tiêng gặp khó khăn trong việc đảm bảo cuộc sống, đa số họ là người lớn tuổi, cư trú trong khu vực hẻo lánh, ít cơ hội tiếp xúc với bên ngoài.

- Tác động của quá trình giao lưu và hội nhập về văn hóa và trình độ nhận thức của người S'tiêng.

Cùng với việc mở cửa giao lưu hội nhập thế giới về kinh tế, đời sống văn hóa của đất nước cũng mở rộng cánh cửa đón nhận những giá trị văn hóa của nhân loại, đồng thời giới thiệu những giá trị văn hóa của dân tộc đến bàn bè quốc tế, quá trình này cũng tác động không nhỏ đối với đời sống văn hóa của các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc S'tiêng nói riêng.

Nhìn chung, người S'tiêng khá dè dặt trong việc tiếp nhận những giá trị văn hóa mới. Lịch sử tộc người S'tiêng đã ghi nhận quá trình tiếp xúc với các dân tộc Chăm, Khomer, Kinh và đặc biệt là chính sách xâm lược bằng văn hóa của thực dân Pháp nhưng người S'tiêng vẫn giữ được bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Giao lưu, hội nhập góp phần mở rộng tầm nhìn, phạm vi hiểu biết của người S'tiêng. Đời sống người dân trước đây chủ yếu thường khép kín trong sóc, thôn, ấp. Do tự ti, mặc cảm và thiếu hiểu biết, người S'tiêng hạn chế tiếp xúc ra bên ngoài nhưng hiện nay, đặc điểm cư trú dần có sự thay đổi, xen lẫn cùng dân tộc khác tạo sự giao lưu, tiếp thu giá trị văn hóa khác nhau của các dân tộc khác để làm phong phú thêm giá trị văn hóa của dân tộc mình. Hơn thế nữa, quá trình này còn tăng cường sự hiểu biết, thông cảm lẫn nhau, thừa nhận lẫn nhau đối với các khác biệt văn hóa, từ đó đẩy mạnh tinh thần đoàn kết giữa cộng đồng người S'tiêng với các dân tộc khác.

Tuy nhiên, quá trình giao lưu, hội nhập làm cho văn hóa của dân tộc ngày càng mất dần đi bản sắc. Có thể thấy, quá trình này cho phép các dân tộc có nhiều cơ hội tiếp xúc nhau hơn nên hình thành thói quen về sinh hoạt, tập tục, văn hóa. Bên cạnh đó, chính sách mở cửa của Việt Nam đã tạo điều kiện cho các phần tử xấu xâm nhập, chống phá nhà nước vì mục tiêu chính trị, an ninh kinh tế, lợi dụng lòng tin, nhận thức còn hạn chế, đời sống vật chất còn khó khăn, thiếu thốn của người dân tộc thiểu số để sai khiến, tuyên truyền những thông tin sai trái để chống phá Đảng, Nhà nước, chống phá khối đại đoàn kết của dân tộc. Chính vì lẽ đó, việc tuyên truyền và nâng cao trình độ nhận thức cho người S'tiêng cần phải được thực hiện thường xuyên, để họ nhận

thức được vai trò của mình cũng như nhận thức rõ được những giá trị văn hóa của mình từ đó có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp đó.

Ngày nay, người dân ngày càng nhận thức rõ hơn về giá trị văn hóa của dân tộc mình và đang có những thay đổi tích cực nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc mình.

2.2. Thực trạng công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở tỉnh Bình Phước hiện nay

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân đạt được

2.2.2.1. Những kết quả đạt được

- Kết quả đạt được trong lĩnh vực tín ngưỡng, lễ hội:

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, trong những năm qua Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã và đang chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp triển khai thực hiện nhiều đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như: làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân, thông qua đó đã có nhiều chuyển biến trong nhận thức và hành động, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu và nhiệm vụ bảo tồn văn hóa các dân tộc gắn liền với phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh. Gần đây ngày 19/4/2018 UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 881/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tại quyết định này có nhiều si sản của người S'tiêng được công nhận là văn hóa phi vật thể như: Nghệ thuật trình diễn cồng chiêng; Sử thi S'tiêng; Lễ hội Mừng lúa mới; nghề dệt thổ cẩm, món ăn canh bời; nghệ thuật chế biến rượu cần, múa trống,

dân ca.... Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan và các địa phương có đông người S'tiêng triển khai thực hiện công tác giữ gìn và phát huy văn hóa ở lĩnh vực đó.

Qua nghiên cứu thực tiễn tại huyện Bù Đốp, trong những năm qua lễ hội được phục dựng và duy trì hàng năm như: hàng năm, vào ngày 24/01 tại xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp, Bình Phước, chính quyền địa phương cùng với nhân dân, đặc biệt dân tộc S'tiêng tổ chức ***lễ hội Mừng lúa mới***, đây cũng là lễ hội truyền thống của người S'tiêng, tại lễ hội này, nhiều hoạt động văn hóa của người S'tiêng được tái hiện lại, tạo nên những nét văn hóa độc đáo của người S'tiêng như nghi lễ cúng các thần linh, văn hóa ẩm thực, âm nhạc, trang phục và hoạt động văn hóa công chiêng, lễ hội đã thu hút rất đông là người S'tiêng và người trên địa bàn huyện tham gia. Qua lễ hội truyền thống được tổ chức đó đã góp phần vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng ở huyện nói riêng và ở tỉnh nói chung.

Qua khảo sát tại huyện Bù Đốp đối với người S'tiêng, khi được hỏi 100 người về việc: Ông, bà (bạn) có thường quan tâm đến văn hóa tinh thần của người S'tiêng không? Câu trả lời được thể hiện ở 100 phiếu là *thường xuyên quan tâm*. Khi được hỏi: Ông, bà (bạn) thường xem chương trình biểu diễn liên quan đến văn hóa của người S'tiêng bằng hình thức nào? Câu trả lời được thể hiện trong 100 phiếu là *qua phương tiện truyền hình và xem trực tiếp tại địa phương*. Khi được hỏi: Những lễ hội cộng đồng theo tín ngưỡng dân tộc S'tiêng nào còn được thực hành ở địa phương? Kết quả khảo sát trong 100 phiếu được thể hiện như sau: ***lễ hội mừng lúa mới***. Qua khảo sát kết quả ban đầu cho thấy, người S'tiêng cư trú tại địa bàn huyện Bù Đốp họ cũng quan tâm nhiều đến lễ hội, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình và mong muốn mở rộng, duy trì nhiều hơn đến sinh hoạt lễ hội, tín ngưỡng của dân tộc mình.

Hàng năm vào ngày 16/2 (âm lịch) tại ấp Tà Kuông, xã Tân Khai (Hớn Quản) đều tổ chức ***lễ hội Cầu mưa*** tại nhà văn hóa cộng đồng xã, lễ hội đã thu hút đông

đảo người dân tộc S'tiêng đến dự lễ, đây là nét văn hóa truyền thống của đồng bào S'tiêng. Lễ hội vừa thể hiện văn hóa truyền thống của dân tộc mình vừa dân kính lên thần linh với mong muốn mưa xuống cho một năm mới vụ mùa bội thu, người dân có đời sống tốt hơn năm cũ. Đây cũng là nét văn hóa đặc sắc của người S'tiêng trên địa bàn huyện Hớn Quản.

Bảo tàng tỉnh đã phối hợp với sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành phục dựng lại các lễ hội truyền thống lễ Đâm trâu, lễ Cầu mưa tại sóc Oâng Năng, ấp Vườn Bưởi xã Lộc Thiện, Lộc Ninh, Bình Phước. Ngày 09/3/2014 Lễ hội Đâm trâu của người S'tiêng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước giao cho sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức long trọng, trong không khí vui vẻ được đông đảo người dân S'tiêng và người dân trong tỉnh về tham dự. Già làng Điều Gié, một người đã hơn 30 năm có kinh nghiệm về Lễ hội Đâm trâu cho biết: thời điểm tháng 2 đến tháng 3 âm lịch hằng năm là lễ hội Đâm trâu ở Bình Phước bắt đầu nhận nhíp do lúc này mùa màng đã thu hoạch và chuẩn bị cho một năm mới với nhiều lời cầu ước.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có nhiều ý kiến cho rằng tục đâm trâu không nên tổ chức nữa, vì nó mang tính man rợ, dễ dẫn đến tiêu cực trong xã hội, không phù hợp với xã hội ngày nay, khi ta mở cửa giao lưu, hội nhập, đặc biệt là ta đang xây dựng nền văn hóa tiên tiến. Đó chính là ý kiến của một số người, nhưng khi nhìn vào thực tiễn đời sống văn hóa tộc người thì rõ ràng, tục đâm trâu luôn có giá trị văn hóa mạnh mẽ đối với người S'tiêng, bởi lẽ đó là văn hóa truyền thống của họ, thông qua tục này giúp họ lưu giữ nhiều yếu tố văn hóa khác mang tính tích cực. Qua tục đâm trâu này giúp họ giáo dục được cho thế hệ mai sau về tinh thần, nguồn gốc cũng như giá trị lưu truyền mà tổ tiên đã truyền cho họ, thế hệ hôm nay phải biết lưu giữ, xem nó như yếu tố nguồn cội, tổ tiên của tộc mình.

Cũng như lễ hội Chém lợn ở thôn Ném Thượng xã Khắc Niệm (Tiên Du, Bắc Ninh), cũng có nhiều ý kiến cho rằng nên bỏ lễ này vì nó mang tính dã man, dễ

gây tác động tiêu cực cho xã hội. Tuy nhiên, khi đánh giá vấn đề nào đó chúng ta cần xem xét ở bản chất, nguồn gốc của nó và được lưu truyền đúc kết thành văn hóa truyền thống của làng nó như thế nào. Như GS Trần Ngọc Thêm từng nói: *người nào muốn tham dự lễ hội chém lợn thì phải tôn trọng phong tục, tập quán của địa phương, muốn đưa tin và bình luận thì phải hiểu biết văn hóa riêng đó, nếu không hiểu biết chúng ta không nên phán xét vội*. Cho nên, thiết nghĩ việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng đòi hỏi phải có cái nhìn khách quan, tôn trọng lịch sử, có như vậy chúng ta mới có thể phát huy sức mạnh của cộng đồng đó. Qua đó, góp phần vào sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội chung của cả nước.

Đối với công tác tuyên truyền, nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật, thông tin kịp thời các hoạt động của công tác dân tộc, giới thiệu về sinh hoạt văn hóa, lễ hội tiêu biểu. Đài Phát thanh, Truyền hình và Báo Bình Phước đã sản xuất và phát sóng chương trình bằng tiếng S'tiêng vào lúc 10h45p vào thứ năm hàng tuần với tỷ lệ các hộ nghe khoảng 98%.

- Kết quả đạt được trong lĩnh vực tri thức dân gian về chế biến món ăn:

Ẩm thực thể hiện qua các tri thức dân gian được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Ẩm thực của người S'tiêng không chỉ là món ăn thức uống nhằm đáp ứng nhu cầu hàng ngày mà còn chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, thể hiện nét văn hóa riêng của cộng đồng mình. Ẩm thực là yếu tố không thể thiếu trong thực hành văn hóa của người S'tiêng và nó còn thể hiện sự phát triển xã hội của cộng đồng cư dân, phản ánh đặc trưng của nền kinh tế của mỗi cộng đồng. Chính vì lẽ đó, việc quan tâm, giữ gìn và phát huy văn hóa trong ẩm thực của người S'tiêng có vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở Bình Phước hiện nay.

Trong thời gian qua, từ năm 2014 đến nay, tỉnh đã thành lập nhóm mô hình phát triển ẩm thực truyền thống của người S'tiêng, với mục đích để bảo tồn và phát huy ẩm thực truyền thống của dân tộc, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc để đưa

các sản phẩm trở thành hàng hóa, tìm đầu ra cho các sản phẩm. Giới thiệu những bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình đối với khách du lịch khi đến khu bảo tồn và giải quyết việc làm cho lao động ở địa phương. Mô hình ẩm thực này được đặt tại Làng văn hóa S'tiêng trong khu Bảo tồn văn hóa Dân tộc S'tiêng tại Sóc Bom Bo, Bù Đăng.

Trong năm 2014 đến nay, nhóm này đã chế biến món ăn truyền thống của người S'tiêng để phục vụ cho khách du lịch. Cụ thể như: năm 2014 có 2 đoàn khách của tỉnh Cà Mau và 2 đoàn khách tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với số lượng hơn 100 người; năm 2015 phục vụ cho 4 đoàn khách đến từ các tỉnh Gia Lai, Bình Thuận, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh với lượng khách hơn 200 người; năm 2016 có 6 đoàn khách đến từ các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Huế, Kon Tum, Cần Thơ, Kiên Giang với lượng khách hơn 500 người. Những con số trên chưa kể đến người dân của tỉnh cũng đã đến thường xuyên vào các ngày cuối tuần. Bên cạnh việc thưởng thức những món ăn đặc trưng của người S'tiêng, du khách cũng thưởng thức những bình rượu cần do chính người S'tiêng nấu mang đậm hương vị và bản chất của người S'tiêng.

Tháng 3/2014 Đài truyền hình Việt Nam (VTV9) đã quay phóng sự về văn hóa ẩm thực, rượu cần của người S'tiêng. Cũng qua phóng sự này mà các sản phẩm của người S'tiêng như rượu cần được nhiều du khách đặt mua, tạo thêm nguồn thu nhập cho địa phương.

- Kết quả đạt được trong văn hóa trong nghề thủ công truyền thống:

Qua nghiên cứu cho thấy, nghề dệt thổ cẩm của người S'tiêng đã có từ lâu đời, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, phụ nữ là người dệt và là người thầy truyền dạy nghề này. Nghề dệt thổ cẩm của người S'tiêng đã ngày càng mai một, nhiều nơi trên địa tỉnh đã không còn giữ nghề, song ở sóc Bom Bo, xã Bình Minh huyện Bù Đăng còn nhiều chị em vẫn đang dệt sản phẩm phục vụ cho gia đình.

Mặc dù sản phẩm làm ra đẹp, bền, độc đáo nhưng do tốn nhiều thời gian, công sức, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, nếu sản xuất lớn rất khó trong việc tìm thị trường tiêu thụ. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến nghề này chưa có điều kiện để chuyên nghiệp hóa. Cho nên, giữ gìn và phát huy văn hóa trong trang phục truyền thống của người S'tiêng phải được quan tâm từ chính quyền địa phương và cả ý thức của chính dân tộc mình.

Hiện nay, UBND tỉnh đã đầu tư xây dựng Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng tại sóc Bom Bo được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2441/QĐ-UBND, ngày 21/10/2010 có tổng diện tích 113,4 ha, với khái toán kinh phí xây dựng 298 tỷ đồng. Các hạng mục công trình đầu tư trong giai đoạn 1 của dự án gồm: Chi phí giải phóng mặt bằng, tư vấn thiết kế; công trình sân lễ hội và hệ thống điện, nước; nhà đón tiếp; đường giao thông trục chính và hệ thống chiếu sáng; đường giao thông nội bộ đoạn từ đường trục chính lên khu vực sân lễ hội và xuống khu vực tái định cư tại chỗ; 2 nhà dài truyền thống dân tộc S'tiêng; 4 nhà làng nghề truyền thống và 8 căn nhà cấp cho các hộ đồng bào có công với cách mạng, già làng, các nghệ nhân; điểm Trường tiểu học Xuân Hồng. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 là 105,5 tỷ đồng, trong đó, ngân sách tỉnh 78,1 tỷ đồng, vốn xã hội hóa 27,4 tỷ đồng và đến hiện nay cơ bản đã hoàn thành khu bảo tồn này. Khu bảo tồn được tiến hành xây dựng từ năm 2011 và đến tháng 10/2015 chính thức hoàn thành giai đoạn 1. Đây là dự án có ý nghĩa đặc biệt, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các phong tục tập quán của con người S'tiêng tỉnh Bình Phước nói chung và đồng bào Sóc Bom Bo nói riêng. Đây cũng là một trong những công trình trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020.

Sau khi khánh thành, Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao Sở Văn hóa thể thao và Du lịch quản lý. Tuy nhiên, thực hiện Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc chuyển giao nguyên trạng Khu bảo tồn cho

UBND huyện Bù Đăng quản lý, từ năm 2018 đến nay UBND huyện đã tiếp nhận và giao cho Phòng Văn hóa và Thông tin huyện quản lý.

Mở rộng đầu tư các dự án: Trong những năm qua, huyện đã chú trọng tranh thủ các nguồn đầu tư của cấp trên để đầu tư phát triển Khu bảo tồn. Ngoài việc tiếp nhận các hạng mục công trình đã đầu tư như: Nhà đón tiếp, sân lễ hội, nhà dài, 04 nhà làng nghề, 20 nhà tái định cư, hệ thống giao thông, điện, nước, cây xanh, 02 ngôi nhà dài truyền thống, cổng chào... Năm 2018, huyện đã đầu tư xây dựng các hạng mục như: Sửa chữa cụm tượng nghệ thuật; mái nhà dài truyền thống, xây dựng đường dây cáp điện cho các hộ dân với kinh phí hơn 1 tỷ đồng. Năm 2019, Khu bảo tồn tiếp tục được đầu tư trồng cây lâm nghiệp, trồng cây cảnh dọc tuyến đường chính vào Khu bảo tồn, xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà bán hàng lưu niệm, nhà đậu xe, chỉnh trang khu vực sân lễ hội, xây dựng hệ thống thoát nước, đầu tư bộ đàn đá, bộ công chiêng với số vốn hơn 16 tỷ đồng. Đến năm 2020, huyện tiến hành đầu tư thăm cỏ khu vực công chính, nhà đón tiếp, khu vực sân lễ hội, vườn cây Xuân Hồng; sửa chữa điểm trường TH Xuân Hồng, mua sắm thiết bị nhà sinh hoạt cộng đồng, xây bờ kè chống sạt lở với kinh phí đầu tư khoảng hơn 2 tỷ đồng. Ngoài ra, còn dự kiến đền bù 10 - 15ha đất để cấp cho 18 hộ dân trồng lá nhíp, đọt mây, lồ ô để làm phong phú các sản phẩm du lịch bán cho du khách; đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm cho khách tham quan như giã gạo trải nghiệm, chơi các loại nhạc cụ đàn đá, chiêng ... Trong các hạng mục đầu tư tại Khu bảo tồn điểm nhấn là bộ đàn đá nặng 20 tấn và bộ công chiêng lớn nhất Việt Nam.

Với việc đầu tư kết cấu hạ tầng, đa dạng sản phẩm du lịch mà du khách đến với Khu bảo tồn mỗi năm một tăng, cụ thể như năm 2018 đón tiếp khoảng 15.000 lượt khách, năm 2019 khoảng 17.000 lượt khách và riêng dịp tết Nguyên đán Khu bảo tồn đã đón tiếp trên 3.100 lượt khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan. Nhìn chung, từ khi đi vào khai thác các giá trị văn hóa phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch, hàng năm Khu bảo tồn đón trên 10 nghìn lượt khách tham quan; chương trình

giới thiệu cho khách tham quan đến du lịch được xây dựng đầy đủ nội dung như giới thiệu về lịch sử văn hóa, kiến trúc, phong tục của người dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo tại Phòng trưng bày, xem biểu diễn đàn đá; tham quan khu vực sân lễ hội, nhà dài truyền thống, chương trình biểu diễn văn nghệ khi các đoàn tham quan đăng ký... Khu bảo tồn đã và đang từng bước phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch.

Đây là kết quả cố gắng của cộng đồng xã hội để tiếp tục góp phần vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng và cũng chính nơi đây sẽ thường xuyên diễn ra nhiều hoạt động văn hóa cổ truyền có giá trị của người S'tiêng như: các phong tục tập quán cổ truyền, tổ chức các lễ hội như: lễ cầu mưa, nghệ thuật công chiên, nghệ thuật múa dân gian, văn hóa ẩm thực...

Hiện nay, tại Làng văn hóa này, Ban quản lý đã thành lập nên Tổ gồm 10 người là những người giỏi trong việc đan, dệt thổ cẩm để biểu diễn và làm ra sản phẩm phục vụ cho khách tham quan, du lịch có nhu cầu mua sắm.

Bảng 2.4. Tổ nhóm xây dựng mô hình phát triển dệt thổ cẩm của người S'tiêng

Đơn vị tính: Người

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Điêu Thị Xia	1987	Tổ trưởng
2	Thị Mai	1982	
3	Thị Nhon	1982	
4	Điêu Thị Khé	1964	
5	Thị Mol	1986	
6	Thị Mam	1973	

7	Thị Ghêm	1983	
8	Thị Won	1986	
9	Thị Plét	1986	
10	Thị Bót	1983	

Nguồn: [30]

Sau khi Tổ, nhóm đi vào hoạt động sản phẩm của tổ có 2 loại, nhìn chung khi đưa ra thăm dò dư luận, các mẫu mã này đều được phản hồi tích cực của công chúng. Một số kết quả đạt được như:

Ngay trong năm 2014, tổ đã tiến hành may trang phục (váy, áo) trang bị cho nam, nữ dân tộc S'tiêng phục vụ tại Đại hội đại biểu dân tộc thiểu số lần thứ 2 tỉnh Bình Phước (04/11/2014); đến nay tổ cũng đã sản xuất và bán cho khách du lịch đến từ trong tỉnh và ngoài tỉnh với hơn 7000 bộ (váy và áo).

Đối với nghề chế biến rượu cần truyền thống của người S'tiêng, với giá trị tiêu biểu đặc biệt, kỹ thuật chế biến rượu cần người S'tiêng được Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch công nhận đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ngày 20/12/2019. Kỹ thuật chế biến rượu cần của người S'Tiêng của 6 huyện, thị gồm: Bù Đăng, Bù Gia Mập, Hớn Quản, Phú Riềng, Lộc Ninh và Phước Long được công nhận di sản văn hóa Quốc gia nghề thủ công truyền thống.

Kỹ thuật chế biến rượu cần của người S'tiêng Bình Phước đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia không chỉ là sự tôn vinh và khẳng định những giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học của tri thức dân gian, nghề truyền thống mà còn là sự ghi nhận những nỗ lực của các địa phương, ngành VH-TT-DL và các cơ quan, đơn vị có liên quan với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản của dân tộc.

- *Kết quả đạt được trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa nghệ thuật dân gian:*

Người S'tiêng có một hệ thống nghệ thuật với các loại hình phong phú, đa dạng và ở nhiều lĩnh vực, nhưng ở phạm vi nghiên cứu của luận văn tác giả nghiên cứu sau vào nghệ thuật **cồng chiêng** và **nghệ thuật múa**. Đây cũng là 2 loại hình nghệ thuật được dùng phổ biến nhất đối với người S' tiêng hiện nay.

Cồng chiêng là đỉnh cao của nghệ thuật âm nhạc truyền thống của người S'tiêng với biên chế bộ cồng có 06 chiếc và bộ chiêng có 05 chiếc. Cồng chiêng được sử dụng trong tất cả lễ hội của người S'tiêng.

Về nghệ thuật múa, người S'tiêng có những điệu múa như múa mừng lúa mới, cúng bà Bông. Nhưng trong các lễ mừng lúa mới, tiếng cồng chiêng, múa truyền thống của người S'tiêng thể hiện trong sinh hoạt, tín ngưỡng. Được sự quan tâm của chính quyền địa phương và chính cộng đồng người S'tiêng trong công tác bảo tồn những giá trị văn hóa của dân tộc mình, trong những năm qua hoạt động, sưu tầm, nghiên cứu được quan tâm thực hiện.

Trong năm 2009, tỉnh Bình Phước đã thực hiện kế hoạch tổng điều tra số lượng cồng chiêng trên địa bàn tỉnh, kết quả năm 2009 trên địa bàn tỉnh có 409 bộ cồng chiêng, được phân bố ở các huyện thị như sau:

Bảng 2.5. Bảng phân bố số lượng cồng chiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2009

Đơn vị tính: bộ

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trữ lượng
01	Đồng Xoài	03
02	Đồng Phú	15
03	Chơn Thành	18
04	Hớn Quản	20

05	Bình Long	04
06	Lộc Ninh	90
07	Bù Đốp	20
08	Phước Long	07
09	Bù Gia Mập	25
10	Phú Riềng	7
11	Bù Đăng	130
12	Tổng cộng	329

Nguồn: [38]

Bên cạnh việc tổng điều tra số lượng cồng chiêng trên địa bàn tỉnh, tháng 10/2009, viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp cùng sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước thực hiện Dự án Tổng điều tra văn hóa phi vật thể của người S'tiêng tỉnh Bình Phước thuộc chương trình Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam nhằm đánh giá góp phần vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Hàng năm, vào các dịp lễ tết cổ truyền của người S'tiêng, công tác tổ chức lễ hội cũng diễn ra sôi nổi, được sự tham gia tích cực của người dân trong tỉnh nói chung và người S'tiêng nói riêng, tất cả các sự kiện đó đều không thể thiếu những âm thanh đặc sắc của tiếng cồng chiêng và những điệu múa mang tính đặc trưng của người S'tiêng. Để đạt được điều đó, một phần được sự quan tâm của chính quyền địa phương, của người dân và chính người S'tiêng đã có ý thức trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc mình, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá văn hóa các dân tộc trong tỉnh.

- *Kết quả trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong tổ chức cộng đồng và hệ thống luật tục của người S'tiêng:*

Như bất kỳ một dân tộc nào ở Việt Nam, cưới hỏi đối với người S'tiêng là một nghi thức quan trọng đối với một đời người. Phong tục cưới hỏi trong đời sống văn hóa của người S'tiêng, cũng thể hiện nhiều giá trị khác biệt và đặc trưng của riêng một cộng đồng người. Trong lễ cưới của người S'tiêng bao gồm có hai phần lễ là lễ cưới và lễ trả của (lễ cưới người được phiên âm là “Un Sail”, còn lễ trả của được gọi là “Ôch’ Rutl”).

Cũng như các dân tộc khác, khi đến tuổi trưởng thành thì việc lấy vợ gả chồng là điều tất yếu của mỗi con người. Đối với người S'tiêng, khi đôi trai gái đã tìm hiểu và ưng thuận về tình cảm, người con trai sẽ là người chủ động báo cho bố mẹ mình biết về người con gái mà anh ta đã đem lòng yêu thương. Khi được cả gia đình đồng ý, gia đình nhà trai sẽ đến nhờ một người mai mối (người mai mối phải là người có uy tín trong cộng đồng, con cái đê huê, gia đình hạnh phúc và có khả năng giao tiếp tốt...), thông qua người mai mối này sẽ thông báo đến với bên nhà gái về mục đích của nhà trai việc người con trai của gia đình mình đã đem lòng yêu thương cô gái của gia đình bên nhà gái.

Có thể nói ngày nay, người S'tiêng vẫn duy trì vấn đề cưới hỏi theo truyền thống trong tổ chức cộng đồng của dân tộc mình, đó chính là những nét đẹp mang đặc trưng văn hóa riêng, có giá trị trong xã hội ngày nay.

Hiện nay, để tiếp tục phát huy văn hóa trong lĩnh vực này, tỉnh cũng đã ban hành chính sách nhằm lưu trữ những nét đặc trưng đó nhằm truyền bá đến cộng đồng và truyền lại cho thế hệ trẻ sau của người S'tiêng, vì đa số trong tổ chức cộng đồng này chủ yếu là thông qua truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ sau cho nên dễ bị mai một. Nhiều đề tài nghiên cứu cấp bộ, cấp tỉnh đã được triển khai có giá trị như đề tài “Đời sống văn hóa người Stiêng tỉnh Bình Phước”, *Đề tài cấp Bộ*, Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh và các công trình sách cũng được các nhà

khoa học nghiên cứu tìm hiểu ghi chép lại để phục vụ cho công tác tuyên truyền và nghiên cứu về người S'tiêng.

Hệ thống luật tục của người S'tiêng hiện nay vẫn được sử dụng trong hệ cộng đồng người S'tiêng, tuy nhiên hiện nay cũng có một số quy định của luật tục cũng không còn để phù hợp với điều kiện thực tiễn ở xã hội hiện nay. Già làng là người có vai trò quan trọng trong việc giải quyết và xử lý các vi phạm liên quan đến luật tục của họ, mang tính răn đe, giáo dục, tuyên truyền đến thế hệ trẻ biết về nguồn gốc của dân tộc mình cũng như tập quán sinh sống, sinh hoạt cổ truyền của dân tộc mình, từ đó họ có ý thức bảo vệ giá trị của luật tục đó và không vi phạm vào những điều cấm kỵ.

- Kết quả trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa về ngôn ngữ, chữ viết:

Có thể khẳng định trong thời gian qua, vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa ở lĩnh vực ngôn ngữ, chữ viết cả người S'tiêng đã được chính quyền địa phương và chính người S'tiêng quan tâm và đã đạt được những kết quả.

Năm 2008, Hội đồng Khoa học tỉnh Bình Phước đã nghiệm thu đề tài khoa học “Xây dựng hệ thống chữ viết tiếng Xtiêng và biên soạn từ điển đối chiếu Xtiêng-Việt, Việt-Xtiêng”. Sau gần 02 năm triển khai, đề tài do Tiến sĩ Lê Khắc Cường, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, làm chủ nhiệm, đã hệ thống chữ viết tiếng Xtiêng mới gồm có 38 chữ cái, trong đó 15 chữ cái ghi nguyên âm và 23 chữ cái ghi phụ âm. Từ điển Việt-Xtiêng có 6.500 từ và ngữ cố định của tiếng Việt được đối dịch ra từ ngữ tương đương tiếng Xtiêng; từ điển Xtiêng-Việt có gần 5.000 từ và ngữ cố định của tiếng Xtiêng được đối dịch ra từ ngữ tương đương tiếng Việt. Bộ từ điển gồm những lớp từ cơ bản và những từ ngữ được sử dụng phổ biến, thông dụng của đồng bào dân tộc Xtiêng.

Chương trình tiếng S'tiêng trên sóng phát thanh, truyền hình và báo Bình Phước đã góp phần tuyên truyền, đưa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như kiến thức khoa học, kỹ thuật sản xuất đến với đồng bào.

Góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc S'tiêng trên địa bàn. Ngày 31/3/2021, Ban Dân tộc phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước tổ chức hội thảo khoa học “Đề xuất giải pháp sử dụng thống nhất, hiệu quả ngôn ngữ S'tiêng trong chương trình tiếng S'tiêng trên sóng phát thanh và truyền hình Bình Phước”.

Hiện nay, để góp phần vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng trong lĩnh vực ngôn ngữ, chữ viết. Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 547/QĐ-BNV ngày 23/4/2021 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt kế hoạch biên soạn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc S'tiêng cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi tỉnh Bình Phước. Thực hiện quyết định trên, UBND tỉnh Bình Phước đã ra Công văn số 1015/UBND-NC ngày 30/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện biên soạn, chỉnh sửa tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi của tỉnh Bình Phước. Hiện nay, việc nghiên cứu, biên soạn do trường Chính trị tỉnh Bình Phước phụ trách đã cơ bản hoàn thành và đang chờ Hội đồng khoa học của tỉnh thông qua. Đây là tài liệu quan trọng, là cơ sở vững chắc và cũng là yếu tố quan trọng góp phần vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa ngôn ngữ, chữ viết của người S'tiêng ở Bình Phước hiện nay.

2.2.1.2. Nguyên nhân đạt được

Để đạt được kết quả như trên, qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy có những nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, Công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS luôn là một nội dung quan trọng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chỉ đạo trong suốt quá trình lãnh đạo, điều hành đất nước.

Với quan điểm nhất quán, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định, văn hóa các DTTS là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành và thực hiện đã góp

phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo động lực để phát triển đời sống kinh tế, xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS.

Trong Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa VIII có đoạn nhấn mạnh: “Coi trọng bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học nghệ thuật của các dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số” [26, tr.55].

Hai là, Có sự quan tâm sâu sát với những chủ trương và chính sách cụ thể của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với việc giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh có 41 thành phần dân tộc từ mọi miền đất nước tụ họp về sinh sống, tạo nên đời sống văn hóa vùng, miền rất phong phú, đa dạng. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt khá, hạ tầng cơ sở được chú trọng đầu tư, công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân được quan tâm. Đây là điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Phước phát triển kinh tế - xã hội.

Từ nhận thức sâu sắc "Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội", ngay từ đầu tái lập tỉnh (1997) Tỉnh ủy Bình Phước và UBND tỉnh đã khẳng định: Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân là biện pháp quan trọng hàng đầu để bảo tồn giữ gìn và phát huy văn hóa tốt đẹp của dân tộc thiểu số.

Để tiếp tục quan tâm và cụ thể hóa liên quan đến công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số, ngày 14/8/2017 Tỉnh ủy đã ban hành chỉ thị số 26-CT/TU về việc tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Trong văn kiện Đại hội Đảng bộ lần thứ XI của tỉnh Bình Phước, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển lĩnh vực văn hóa đó là, đầu tư, quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao. Quy hoạch, dự trữ quỹ đất để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao khi đủ điều kiện về nguồn lực và nhu cầu. Ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ thể dục, thể thao cộng đồng, học đường và thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh phát triển nghệ thuật, thể thao quần chúng; đầu tư phù hợp cho văn nghệ chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao; nâng cấp các giải thi đấu do tỉnh tổ chức; đẩy mạnh xã hội hóa, giảm gánh nặng ngân sách cho lĩnh vực này. Bảo tồn các giá trị, phong tục, bản sắc văn hóa các dân tộc; phục dựng các lễ hội, ngành nghề truyền thống, các di tích lịch sử, bảo tàng chiến tranh... Hàng năm, tổ chức liên hoan văn hóa các dân tộc cấp tỉnh và cấp huyện. Tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực chất phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Thứ ba, có sự quan tâm phối hợp tham gia của ban ngành có liên quan đến lĩnh vực văn hóa và chính quyền địa phương nơi có đông người S'tiêng sinh sống.

Ngoài những chủ trương chính sách của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì ngành văn hóa, truyền hình, truyền thanh, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền các cấp ở cơ sở tuyên truyền vận động và tích cực tham gia vào công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tại địa phương thông qua các lễ hội, phong tục, tập quán, liên hoan văn hóa, văn nghệ, tuyên dương các điển hình tiên tiến, tập thể tiêu biểu trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của địa phương.

Thứ tư, Có sự quan tâm tham gia tích cực của chính người S'tiêng cũng góp phần vào những kết quả đạt được trong việc giữ gìn và phát huy hóa của chính dân tộc mình.

Chính sự nỗ lực, cố gắng của từng tổ chức, cá nhân và đặc biệt là người S'tiêng, do đó việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của người S'tiêng đã đạt được nhiều kết quả trên. Những kết quả đó đã động viên, khích lệ tinh thần của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong tỉnh tiếp tục quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của mình.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.2.2.1. Những hạn chế

- Thứ nhất, hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong tín ngưỡng, lễ hội:

Việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong tín ngưỡng, lễ hội đã có nhiều thành tựu đạt được. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa của nó như: hiện nay cũng có một số lễ hội truyền thống của người S'tiêng không còn thực hiện trong cộng đồng nữa, cũng có lễ hội mang tính hình thức, bị thương mại hóa đi nhiều.

Người S'tiêng có truyền thống tín ngưỡng đa thần cho nên dẫn đến hiện tượng có quá nhiều lễ cúng, gây khó khăn về mặt kinh tế cho người dân, một số lễ cúng còn mang tính tự phát tại gia đình. Hiện nay, có một số tín ngưỡng đã dần bị phai mờ và mất dần trong điều kiện giao lưu cùng với nhiều văn hóa của dân tộc khác cho nên ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Qua khảo sát tại huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng, khi được hỏi: Ở địa phương hay cộng đồng của bạn có thường xuyên tổ chức các lễ hội và tín ngưỡng văn hóa của người S'tiêng không? Với 200 phiếu phát ra, kết quả 46 phiếu là thường xuyên, 154 phiếu đánh vào ô lựa chọn khác và cho rằng rất ít tổ chức, có khi 2,3 năm mới được tổ chức và số lượng ít. Qua kết quả đó cũng phản ánh được rằng, hiện nay mặc dù truyền thống tín ngưỡng, lễ hội của người S'tiêng là rất đa dạng, phong phú nhưng đã mai một đi rất nhiều.

Việc tổ chức lễ hội chưa có sức lan tỏa, ít thu hút được du khách nơi khác về dự; hình thức, nội dung tổ chức chưa phong phú, có lễ hội tổ chức chưa đúng nghi thức truyền thống của người S'tiêng dẫn đến tình trạng ngay cả người S'tiêng cũng không tham gia nhiệt tình trong lễ hội...

- Thứ hai, hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa tri thức dân gian về chế biến món ăn:

Hiện nay, một số món ăn truyền thống sử dụng trong hằng ngày và các dịp lễ hội đã có sự thay đổi, nguồn nguyên liệu khai thác từ thiên nhiên ngày càng ít đi.

Về dụng cụ nấu ăn, thức uống truyền thống của người S'tiêng khá đơn giản, chủ yếu là dùng nồi nấu canh bồi, ống tre, nứa, lò ô nấu cơm ống, canh thực cho nên những món ăn này rất đặc trưng và hấp dẫn. Còn ngày nay dụng cụ nấu của người S'tiêng đã biến đổi đi nhiều, chất đốt cũng thay đổi, trước đây chủ yếu là đun bằng củi thì ngày nay đa số người S'tiêng sử dụng bếp ga, điện. Những điều này đã làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong tập quán ăn uống của người S'tiêng.

- Thứ ba, hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong nghề thủ công truyền thống:

Ngày nay do tác động của toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, phát triển nền kinh tế thị trường, chủ trương mở cửa, giao lưu nên ít nhiều cuộc sống của người S'tiêng đang dần thay đổi, các giá trị văn hóa truyền thống bị mai một, biến đổi mạnh mẽ, trong đó có nghề dệt và trang phục truyền thống.

Gần đây, qua khảo sát một số nơi ở Bù Đốp, Bù Đăng, Bù Gia Mập, nghề trồng bông - dệt vải và may thành áo của tộc người S'tiêng xưa gần như bị loại bỏ trước sự xuất hiện của nhiều loại sợi vải hiện đại mà người ta dễ dàng có được. Bộ phận người S'tiêng đặc biệt là lớp trẻ sống gần với người Việt, đã có dấu hiệu từ bỏ nghề dệt trong hoạt động thủ công nghiệp của mình và sử dụng sản phẩm may mặc,

mẫu mã đa dạng của người Việt. Những bộ váy áo truyền thống, những tấm đắp, quây, khố, túi xách, địu con, khăn đội đầu... sẽ chỉ còn lại chỉ dùng trong các lễ hội truyền thống, ở những người già. Giới trẻ người S'tiêng hiện nay, ra đường hầu như không mặc đồ truyền thống nữa, vì cảm thấy tự ti, mất tự tin trước cộng đồng, xã hội. Đó cũng là những hạn chế, tồn tại làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa trong trang phục truyền thống của người S'tiêng hiện nay.

Qua khảo sát tại huyện Bù Đăng, khi được hỏi *ông, bà (bạn) có thường xuyên mặc và sử dụng các trang phục truyền thống của dân tộc mình không?* Kết quả với 150 phiếu phát ra thì có đến 122 phiếu đánh vào ô **không thường xuyên sử dụng**, còn lại là **có thường xuyên sử dụng**. Như vậy, với kết quả trên cũng cho thấy rằng, hiện nay, chính người S'tiêng họ cũng không thường xuyên sử dụng trang phục của mình, qua trao đổi, họ cho rằng thông thường chỉ mặc vào lúc có lễ nghi của gia đình hoặc lễ hội của địa phương thôi.

- Thứ tư, hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa nghệ thuật dân gian của người S'tiêng:

Văn hóa nghệ thuật dân gian của người S'tiêng có nhiều hình thức khác nhau, cũng đa dạng, phong phú nhưng phổ biến và sử dụng nhiều nhất đó là **nghệ thuật cồng chiêng và múa**.

Mặc dù được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới, với những giá trị vật chất và tinh thần không thể phủ nhận, nhưng hiện nay, văn hóa cồng chiêng cũng đang phải chịu những áp lực của trào lưu văn hóa hiện đại. Có thể nói, cồng chiêng của người S'tiêng đang trước những mai một, lai tạp, thậm chí mất hẳn tính bản sắc đặc thù, cá biệt một số bộ phận lại mang cồng chiêng đi bán, đổi. Đó là những hạn chế trong việc nhận thức tầm quan trọng của việc giữ gìn văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Hơn nữa, hiện nay số lượng nghệ nhân sử dụng cồng chiêng một cách thành thạo còn rất ít, một bộ phận giới trẻ cũng không mặn mà với

loại hình nghệ thuật này, qua đó cũng làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa ở lĩnh vực này.

Qua khảo sát tại Bù Gia Mập và Bù Đốp, khi được hỏi ông, bà (bạn) có biết sử dụng (biết đánh thành thạo) công chiêng không? Với 200 phiếu được hỏi kết quả 124 phiếu đánh vào ô không sử dụng thành thạo, 76 người sử dụng thành thạo. Qua kết quả đó cũng cho thấy hiện nay số lượng người sử dụng thành thạo công chiêng của dân tộc mình còn tương đối ít, với thực tiễn đó thì rõ ràng hiện nay nghệ thuật công chiêng của người S'tiêng cần được khơi dậy, phát triển thêm nữa.

Về điệu múa của người S'tiêng hiện nay vì nhiều lý do mà các điệu múa dân gian truyền thống của người S'tiêng có nguy cơ mai một. Số nghệ nhân biết rõ nghệ thuật này cũng ngày càng ít đi, cần có giải pháp bảo tồn, lưu giữ và phát huy.

- Thứ năm, hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa trong tổ chức cộng đồng và hệ thống luật tục:

Hiện nay, trong cộng đồng người S'tiêng vẫn còn giữ tập tục trả của sau lễ cưới, mặc dù là có những nét giá trị của văn hóa nhưng cũng gây ra những khó khăn nhất định. Cũng vì tập tục này mà đã có không ít những chàng trai không lấy được vợ hay có những đôi bạn trẻ đã yêu nhau nhưng không thể đến được với nhau. Có những đôi vợ chồng khi đã lấy được nhau nhưng phải suốt đời làm thân phận đi làm trả nợ cho nhà chồng hay nhà vợ vô điều kiện, không thời hạn.

Tập tục tảo hôn, thói quen uống rượu, nhiều tập tục lạc hậu như tục cà răng, tục căng tai và những hủ tục khác cũng làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Luật tục là hình thức phát triển cao nhất của phong tục tập quán. Bản chất nguyên thủy của luật tục ra đời chứa đựng các quy tắc xử sự chung trong phạm vi cộng đồng và có tính bắt buộc thực hiện thông qua sự tự giác, tự nguyện của mỗi thành viên trong cộng đồng. Luật tục chứa đựng những giá trị văn hóa độc đáo của

mỗi tộc người. Luật tục ra đời, biến đổi và quy định những hành vi của từng cá nhân trong cộng đồng phù hợp với hoàn cảnh xã hội. Đối với cộng đồng dân tộc S'tiêng, mặc dù hệ thống luật tục có vai trò quan trọng trong việc quản lý đời sống cộng đồng, góp phần không nhỏ trong việc duy trì thuần phong mỹ tục, bảo vệ bản sắc dân tộc, nhưng nó không thể thay thế được luật pháp, không thể đứng trên luật pháp.

2.2.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Thứ nhất, Việc thực thi chính sách liên quan đến công tác giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số đôi lúc còn chưa triệt để, tư duy về việc giữ gìn và phát huy văn hóa của cán bộ làm văn hóa còn đơn giản, một chiều.

Chưa nhận thức được đầy đủ giá trị tư tưởng của văn hóa truyền thống, có lúc còn xem nhẹ những phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số, dẫn tới nóng vội muốn cải tạo văn hóa truyền thống, ào ạt du nhập các yếu tố văn hóa ngoại lai, hiện đại mà không xem xét, đánh giá cái được cái mất ở hiện tại và tương lai.

Trước sự thay đổi của đời sống văn hóa của đồng bào, nhiều ý kiến bảo tồn, giữ gìn theo hướng phục hồi, phục dựng các sinh hoạt văn hóa truyền thống mà không chú ý đến hoàn cảnh, môi trường phù hợp với nét riêng của người S'tiêng nên chưa được người S'tiêng đón nhận. Từ đó, người S'tiêng chưa thực sự vào cuộc, làm chủ các hoạt động giữ gìn và phát huy các văn hóa của dân tộc.

Thứ hai, do nhận thức của người S'tiêng liên quan đến công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc mình còn có hạn chế nhất định.

Vị trí địa lý và địa hình cư trú không thuận lợi khiến cho đời sống người S'tiêng kém phát triển so với dân tộc khác. Địa bàn vùng đồng bào người S'tiêng khá rộng lớn, chủ yếu miền núi, dân cư của người S'tiêng đa số ở những vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn, cuộc sống kinh tế còn nhiều khó khăn nên quá trình hội nhập với cuộc sống mới phải thay đổi tập quán sinh sống, thay đổi phương thức sản

xuất và sự tác động của cơ chế thị trường. Cho nên, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Điểm xuất phát ban đầu của người S'tiêng còn thấp so với trình độ phát triển chung, một bộ phận có đời sống khép kín, có một số người giao tiếp bên ngoài bằng tiếng Việt cũng còn khó khăn. Điều này dẫn đến sự hạn chế trong hiểu biết về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước nói chung, trong công tác giữ gìn và phát huy văn hóa nói riêng.

Nhận thức của một bộ phận đồng bào các dân tộc người S'tiêng về việc bảo tồn, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc mình còn hạn chế. Cho nên, dẫn đến nhiều giá trị văn hóa của dân tộc bị mai một, mất dần. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Thứ ba, tác động của mặt trái của kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế .

Do tác động của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa và hội nhập quốc tế, nhiều giá trị văn hóa của đồng bào người dân tộc S'tiêng đang đứng trước những thử thách lớn. Hoạt động thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc còn hạn chế; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật tổ chức không được thường xuyên, còn sơ sài; khoảng cách về mức hưởng thụ văn hóa giữa vùng thành thị và nông thôn còn chênh lệch lớn.

Sự tác động của quá trình đô thị hóa, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã đến từng thôn, làng của đồng bào dân tộc thiểu số, tác động trực tiếp đến suy nghĩ, đến lối sống và phương thức sinh hoạt sản xuất của chính bản thân họ theo xu hướng mới.

Mặt trái của kinh tế thị trường cũng đã làm biến dạng đi cấu trúc văn hóa truyền thống, làm phai nhạt dần giá trị văn hóa đặc trưng, làm cho một số lễ hội bị biến dạng. Do tác động của mặt trái cơ chế thị trường, các lễ hội truyền thống của người S'tiêng đang có những biến đổi theo chiều hướng tiêu cực. Việc khai thác lễ hội dân gian các dân tộc thiểu số phục vụ cho hoạt động du lịch theo kiểu chụp giật mà không tôn trọng tính chân thật, làm cho lễ hội dân gian trở nên méo mó. Trong khi người dân thờ ơ với những giá trị truyền thống của dân tộc, thì số người hiểu biết, say mê và thực sự tâm huyết với văn hóa, giá trị truyền thống ngày một ít đi.

Chương 3: GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CỦA NGƯỜI S'TIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY

Trên cơ sở thực trạng vấn đề nghiên cứu, với mục tiêu nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng, đề tài đề xuất những các nhóm giải pháp cơ bản sau:

3.1. Nhóm giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về vấn đề giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của Nhà nước. Có thể thấy vai trò của các cấp ủy Đảng thể hiện rõ nét trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc nói chung và của người S'tiêng nói riêng. Sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của cấp ủy Đảng là điều kiện tuyên quyết đảm bảo sự thành công của công của việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng trong thời gian qua.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng hiện nay, cũng cần chú ý giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế của địa phương với việc giữ gìn và phát huy văn hóa. Vì phát triển kinh tế là nền tảng, mục tiêu trọng tâm, là cơ sở, điều kiện bảo đảm để văn hóa tồn tại và phát triển. Ngược lại, khi những giá trị văn hóa có điều kiện phát triển bền vững sẽ tạo sự đồng thuận trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tạo tiền đề quan trọng để kinh tế phát triển nhanh và vững chắc.

Trên tinh thần quan điểm của Đảng ta: "Văn hóa là tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội" [18] thì việc đề xuất các chủ trương, chính sách công tác văn hóa cụ thể đến chỉ đạo thực hiện công tác đó điều phải thể hiện sự kết hợp giữa kinh tế - xã hội và văn hóa. Nói cách khác, mọi công tác phát triển kinh tế ở vùng đồng bào dân tộc S'tiêng phải bao gồm khía cạnh xã hội và văn hóa, lấy phát triển xã hội, văn hóa làm mục tiêu, nền tảng. Ngược lại sự phát triển xã hội - văn

hóa phải đặt trên cơ sở của phát triển kinh tế. Chính vì thế quá trình ban hành và thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế cần phải lồng ghép vào công tác xây dựng đời sống văn hóa nói chung, công tác giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc nói riêng vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, như vậy mới phát huy được tính động lực và tính khả thi của công tác này.

Chính quyền các cấp cần phải chủ động, tích cực trong việc xây dựng những đề án, kế hoạch và thực thi tốt những chính sách liên quan để từ đó có kế hoạch tăng cường tuyên truyền, giáo dục đến cộng đồng của người S'tiêng về ý thức bảo tồn, giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc mình. Bên cạnh đó, các ngành liên quan cần phải nắm chắc tình hình kinh tế - xã hội ở vùng đông đảo người S'tiêng đang sinh sống mà do mình quản lý. Đặc biệt, các nội dung yêu cầu phát triển sản xuất, vấn đề sức khỏe, vấn đề giáo dục, vấn đề sinh hoạt văn hóa của người S'tiêng; nắm rõ được các địa bàn trọng điểm có tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về an ninh, trật tự, về công tác chính trị, chú trọng nhiều đến các đơn vị thôn, ấp, buôn, sóc...

3.2. Nhóm giải pháp về công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ làm công tác văn hóa

Thứ nhất, Cần tăng cường, quan tâm đến công tác xây dựng, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc S'tiêng nói riêng có vai trò quan trọng góp phần vào phát triển văn hóa truyền thống của người đồng bào. Người cán bộ đó phải đáp ứng những tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và đặc biệt phải có lòng nhiệt huyết, am hiểu những phong tục, tập quán truyền thống, ngôn ngữ của họ. Đây cũng là vấn đề khó nhất hiện nay trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở các địa phương hiện nay. Thiết nghĩ, để giải quyết vấn đề

này thì việc phát huy được cán bộ trong chính cộng đồng người S'tiêng chính là một giải pháp tốt nhất.

Thứ hai, Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác văn hóa có năng lực và chuyên môn tốt để đẩy mạnh hoạt động của các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, tạo chuyển biến về chất trong phong trào văn hóa ở sóc, ấp, bản, khu dân cư. Các trung tâm văn hóa tỉnh, huyện cần phải tăng cường bám sát cơ sở, thường xuyên cử cán bộ về cơ sở hướng dẫn công tác chuyên môn, mở các lớp tập huấn về văn hóa.

Thứ ba, Có kế hoạch sử dụng các học sinh, sinh viên dân tộc đã tốt nghiệp để họ được về phục vụ địa phương và dân tộc mình. Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác văn hóa cần phải có trình độ, năng lực, khả năng tập hợp và vận động quần chúng cao; có kiến thức về pháp luật, quản lý nhà nước, văn hóa, xã hội, có nhiều kỹ năng liên quan đến tổ chức thực hiện công việc cộng đồng, vừa phải có năng khiếu văn nghệ,... phù hợp với nhiều nhóm dân cư khác nhau tại địa phương; đặc biệt cần có trình độ am hiểu về văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc để điều hành, quản lý và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở một cách có hiệu quả.

Thứ tư, Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp, các ngành nói chung và cán bộ chuyên trách làm công tác văn hóa nói riêng nhằm làm cho họ hiểu, đánh giá và coi trọng đúng mức những giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số. Cần làm cho họ nhận thức được rằng, trong tác động kinh tế và thông tin nhiều chiều của xã hội hiện đại như hiện nay, việc giữ gìn và phát huy các văn hóa của đồng bào dân tộc là một trong những khâu đột phá để phát triển văn hóa, bảo đảm sự ổn định chính trị, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế.

Quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo cán bộ làm công tác nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở trong tỉnh. Nắm chắc

các nghệ nhân, tổ chức cán bộ thường xuyên đi khảo sát thực tiễn và có kế hoạch để các nghệ nhân truyền dạy cho các thế hệ trẻ để giữ gìn được tốt hơn.

Quan tâm đổi mới, tìm tòi và sử dụng nhiều hình thức để tập trung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu cho cán bộ làm công tác văn hóa trong hệ thống chính trị các cấp; nhất là cán bộ cấp cơ sở. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần đa dạng, phong phú, đi sâu vào kỹ năng nhằm trang bị cho các cán bộ, công chức làm công tác văn hóa các kiến thức chung về pháp luật, quản lý hành chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ và các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với thực tế. Phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cần được cải tiến, đổi mới theo hướng sát thực với tình hình công tác ở địa bàn.

Thứ năm, Nhà nước cần ưu tiên ngân sách, tăng định mức chi ngân sách cho phát triển nguồn nhân lực làm công tác văn hóa - xã hội tại các địa phương thông qua các chương trình, dự án và thông qua các kế hoạch, đề án phát triển nhân lực; bố trí vốn, tăng cường nguồn tài chính phục vụ cho nhu cầu phát triển nguồn nhân lực... Có chính sách thu nhập, trọng dụng, tôn vinh, khen thưởng, đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, “giữ chân” cán bộ, công chức giỏi về làm việc tại các địa phương.

Trong giải pháp về chính sách và công cụ khuyến khích, thúc đẩy phát triển nhân lực, Nhà nước cần thực hiện đồng bộ giữa đào tạo, bồi dưỡng với đổi mới tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và xây dựng chính sách thu hút, động viên người giỏi, đúng chuyên môn. Tạo cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản; tạo điều kiện cho công chức, viên chức trẻ được thăng tiến, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý; triển khai tốt các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, phải phân công những đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, công tâm để giúp đỡ theo dõi những cán bộ dự bị, quần chúng tốt, giới thiệu với cấp ủy tạo nguồn phát triển đảng viên mới, đào tạo cán bộ.

3.3. Nhóm giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng người S'tiêng

Việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc người S'tiêng có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của người S'tiêng. Thực tế, ở địa phương nào làm tốt công tác chăm lo đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân thì đồng thời với nó đời sống văn hóa, sinh hoạt văn hóa cũng được nâng lên, diễn ra sôi nổi, chất lượng. Đây cũng là vấn đề quan trọng tác động đến việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Thứ nhất, Đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở thiết yếu vùng đồng bào người S'tiêng đang sinh sống để giúp việc đi lại giao lưu giữa các vùng tốt hơn. Thực hiện các chương trình, dự án về phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo của nhà nước để giúp người S'tiêng có điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình, chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi như Chương trình 135, Quyết định 755/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, chính sách di dân, định canh định cư theo Quyết định 33/QĐ-TTg, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng các xã biên giới, chương trình Quốc gia về xây dựng nông thôn mới... được triển khai tạo nên diện mạo mới cho các địa phương.

Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư ngân sách hàng năm của tỉnh, huyện cho việc phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, hơn nữa cần huy động tập hợp xã hội hóa để thu hút nguồn vốn đầu tư vào các công trình dân sinh phục vụ cho đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người đồng bào như khu bảo tồn văn hóa, du lịch sinh thái...

Đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước. Triển khai các chương trình, dự án để

xóa đói, giảm nghèo và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đồng bào người S'tiêng là việc quan tâm xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền tỉnh Bình Phước. Thực hiện thành công chủ trương này, Bình Phước không chỉ bảo đảm lợi ích kinh tế - xã hội cho người S'tiêng, mà còn góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững của tỉnh. Với những nỗ lực và quyết tâm cao của toàn Đảng bộ và nhân dân, trong đó phát huy nỗ lực của người S'tiêng có sự giúp đỡ tích cực của Trung ương và cộng đồng, chắc chắn đồng bào người S'tiêng sẽ giành thêm nhiều thắng lợi mới trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, Chuyển đổi từ nền kinh tế tự cung, tự cấp truyền thống sang mô hình kinh tế sản xuất hòa hóa, cần đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển kinh tế nhằm chuyển từ kinh tế tự cung cấp sang kinh tế hàng hóa. Chú trọng công tác định canh, định cư, chuyển đổi dần tập quán sản xuất, đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo chiều sâu gắn với mô hình phát triển kinh tế.

Cần có những chương trình, kế hoạch phối hợp giữa chính quyền với đoàn thể để tuyên truyền, giáo dục, đưa khoa học, công nghệ tiên tiến vào vùng đồng bào dân tộc S'tiêng nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng năng xuất lao động, chất lượng của sản phẩm để góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Để thực hiện tốt việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đối với S'tiêng, có lẽ một số hoạt động cần được quan tâm là: Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự quyết tâm cao trong hệ thống chính trị cơ sở và trực tiếp là đồng bào các dân tộc; các địa phương nên có đề án tái cơ cấu các lĩnh vực; rà soát, điều chỉnh quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản phù hợp tiềm năng của từng địa bàn; điều tra, khảo sát nhu cầu lao động cần đào tạo và kết nối với thị trường có nhu cầu để giải quyết việc làm cho hộ thiếu đất sản xuất và

nâng cao năng lực cho lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp; tăng cường các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, xem khoa học công nghệ là khâu then chốt để tạo đột phá trong tái cơ cấu nhằm tăng năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp vùng dân tộc S'tiêng.

Thứ ba, Thực hiện tốt hơn nữa công tác xóa đói, giảm nghèo, trước tiên cần trợ giúp các gia đình thuộc diện đặc biệt khó khăn, giải quyết các vấn đề cấp bách như: đói giáp hạt, thiếu nước sinh hoạt vào mùa khô, nhà ở tạm bợ, thiếu đất để sản xuất để giảm đói, nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống, đáp ứng nhu cầu về y tế, sức khỏe và các vấn đề an sinh xã hội khác.

Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, trong đó có nội dung như: xây dựng kế hoạch Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS năm 2022; xây dựng kế hoạch giảm nghèo 2022-2025. Đây là một trong những vấn đề quan trọng giúp cho người DTTS nói chung và người S'tiêng nói riêng thụ hưởng và tạo ra tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế cho bản thân mình.

Quan tâm đến công tác tuyên truyền mở rộng các điển hình cá nhân tiên tiến trong lao động và sản xuất giỏi, có mô hình phát triển kinh tế mới, bền vững, như tổ chức tham quan, học tập các mô hình kinh tế.... Từ đó, giúp người đồng bào học hỏi kinh nghiệm sản xuất cũng như phát triển kinh tế cho gia đình mình, đảm bảo cuộc sống vươn lên làm giàu, khắc phục tình trạng tự ti, ỷ lại trong đồng bào.

Hỗ trợ cho các hộ nghèo, đặc biệt khó khăn thông qua trợ giúp các điều kiện, dịch vụ sản xuất, đào tạo nghề để tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo. Đẩy mạnh xã hội hóa việc tổ chức dạy nghề, thu hút giáo viên và xây dựng cơ cấu nghề phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Chính quyền cần tăng cường quản lý và giải quyết tốt hơn nữa vấn đề đất đai, vấn đề khiếu nại, kiện tụng, ngăn chặn tình trạng sang chuyển nhượng trái phép. Vì hiện nay, có tình trạng khi triển khai các chương trình của chính phủ về giao đất sản xuất cho người đồng bào, khi được giao đất người đồng bào không tự sản xuất mà tiến hành sang, chuyển nhượng hoặc bán các sản phẩm còn non để lấy tiền tiêu xài, khi hết tiền lại tiếp tục khó khăn, nghèo đói.

Thứ tư, Giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự. Hiện nay, có những diễn biến phức tạp về vấn đề dân tộc và tôn giáo và quốc tế, vùng đồng bào dân tộc S'tiêng vẫn được xem là vùng nhạy cảm, còn nhiều vấn đề tiềm ẩn dễ dẫn đến mất trật tự, mất đoàn kết. Vì lẽ đó, cần tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân, công viên, củng cố lực lượng dân quân, phân công nhiệm vụ nắm bắt tình hình nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nóng gây mất trật tự, chia rẽ đoàn kết trong đồng bào S'tiêng.

Thực hiện chính sách tôn giáo, đất đai, dân tộc hợp lý, cần nắm bắt những vấn đề nóng khi người dân dễ bị kẻ xấu kích động để phá hoại, chia rẽ sự đoàn kết, đặc biệt nhất là lĩnh vực tôn giáo, cần có phương pháp giải quyết tốt vấn đề liên quan đến tôn giáo. Tuyên truyền vận động đồng bào và chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật Việt Nam. Bảo vệ tín ngưỡng truyền thống không chỉ bằng tuyên truyền thuần túy mà cơ bản hơn là bảo vệ trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người S'tiêng.

Tập trung giải quyết vấn đề đất đai, dân tộc sẽ góp phần giải quyết tốt vấn đề bất ổn về kinh tế và xã hội. Đối với từng buôn làng cần phát huy vai trò của già làng, trưởng bản và các nghệ nhân trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục bà con buôn làng noi theo trong công tác xóa đói giảm nghèo, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đây là những người có uy tín cao trong cộng đồng, là hạt nhân của khối

đại đoàn kết ở cơ sở và chính họ cũng giúp cho việc đào tạo và giúp lớp trẻ nhận thức đầy đủ và ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

3.4. Nhóm giải pháp nâng cao tính tích cực chủ động của người S'tiêng vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa của họ

Thứ nhất, Nâng cao trình độ dân trí và chất lượng dân cư. Tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, trong vùng đồng bào dân tộc S'tiêng, như xây dựng cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy và học, có giải pháp để giảm tình trạng học sinh bỏ học, thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.

Tuyên truyền giáo dục làm cho đồng bào nhận thức được lợi ích của việc học tập, nâng cao trình độ cho bản thân và cho con cái mình, từ đó họ tự giác khuyến bảo và tạo điều kiện để con em đi học. Mặt khác, cần tổ chức nhiều buổi sinh hoạt đoàn - hội, các hoạt động giao lưu tạo điều kiện để học sinh giao lưu với các dân tộc khác để học hỏi nhau, tổ chức các buổi sinh hoạt cộng đồng, để trao đổi ngôn ngữ, mạnh dạng trong công tác giao tiếp, tạo những kỹ năng sống và giao tiếp xã hội tốt hơn.

Có biện pháp tăng cường, nâng cao thể lực, trí lực cho thanh thiếu niên người dân tộc S'tiêng để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quan tâm đến vấn đề dinh dưỡng, đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng hàng ngày. Đưa vấn đề dinh dưỡng trẻ em vào các chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cung cấp thông tin và nguồn dinh dưỡng cho gia đình. Từ việc nâng cao dân trí, nó không chỉ là động lực cho xóa đói, giảm nghèo, giúp con người làm chủ khoa học, công nghệ áp dụng vào sản xuất, kinh doanh, trực tiếp góp phần phát triển kinh tế - xã hội mà còn là chìa khóa để nâng cao đời sống văn hóa từ

đó giúp họ giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc mình ngày càng tốt hơn.

Thứ hai, Nâng cao ý thức tự hào dân tộc, ý thức chấp hành pháp luật. Muốn giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc, ngoài sự giúp đỡ của xã hội, đồng bào người S'tiêng cần nhận thức rằng đây là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của mình và là trách nhiệm của chính cộng đồng mình, có như vậy công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa mới được thực hiện tốt hơn. Khơi dậy lòng tự hào dân tộc trong đồng bào, nhất là đối với tầng lớp trí thức, già làng, các chức sắc tôn giáo người S'tiêng để họ là người tiên phong trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời tuyên truyền giáo dục cả cộng đồng làm theo.

Cần khắc phục tính thụ động và tư tưởng trông chờ, ỷ lại của đồng bào vào sự giúp đỡ của Nhà nước và các tổ chức để phát huy nội lực trong lao động sản xuất, trong xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu từ đó họ sẽ mạnh dạng tham gia vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội. Tăng cường giáo dục pháp luật cho người S'tiêng để tránh xảy ra những trường hợp vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết gây ảnh hưởng đến đời sống như Luật Giao thông, luật Hôn nhân và Gia đình, luật Bình đẳng giới, luật Bảo vệ rừng...

Song song với việc nâng cao trình độ dân trí, cần phải tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc mình, từ đó giúp họ nhận ra giá trị của nó và có giải pháp để giữ gìn và phát huy.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng các thiết chế văn hóa và tăng cường tuyên truyền việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Có hệ thống thiết chế văn hóa tốt sẽ tạo điều kiện đồng bào dân tộc phát huy những giá trị văn hóa. Đây là nơi giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cũng như là nơi tổ chức các lễ hội văn hóa truyền thống của người đồng bào.

Chính quyền địa phương cần có sự quan tâm đầu tư cụ thể đối với các thiết chế văn hóa như: dành quỹ đất để xây dựng trụ sở và khuôn viên văn hóa (nhà dài, nhà rông, nơi sinh hoạt cộng đồng), sân thể thao, công viên văn hóa.

Thực hiện xã hội hóa đầu tư nhằm huy động mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng ngành văn hóa ở cơ sở, cụ thể là tổ chức các cuộc vận động, đóng góp của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp cho việc xây dựng các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, nhà triển lãm, viện bảo tàng... Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, thực hiện tốt cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhằm huy động nguồn lực, dành quỹ đầu tư, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ, tích cực đóng góp xây dựng hạ tầng văn hóa cộng đồng.

Vận động, khuyến khích các doanh nghiệp đóng góp, đầu tư vào các lĩnh vực vui chơi giải trí, xây dựng các công trình văn hóa, tổ chức các sự kiện văn hóa và bảo tồn các di sản văn hoá. Mặc dù trong những năm qua, Nhà nước đầu tư lớn, nhưng nguồn kinh phí đó chỉ đáp ứng một phần và cũng chỉ tập trung vào những công trình văn hóa trọng điểm ở Trung ương, ở cơ sở thì chỉ ở trung tâm xã. Việc tôn tạo, xây dựng các công trình văn hóa như nhà văn hóa thôn, xóm thì hầu hết kinh phí là sự đóng góp công sức của người dân địa phương.

Quan tâm đầu tư thích đáng xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, nhất là ở thôn, làng, khu dân cư tập trung. Đầu tư nâng cao hiệu quả của các đội tuyên truyền cổ động, quan tâm đầu tư xây dựng công viên văn hóa các dân tộc của tỉnh. Việc đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa phải thực hiện được hai nội dung đó là: xây dựng cơ sở vật chất và nguồn lực sử dụng có hiệu quả của cơ sở vật chất ấy là vấn đề quan trọng, nếu không dễ dẫn đến tình trạng ỷ lại, trông

chờ vào nhà nước, bao cấp. Như vấn đề xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng ở các buôn, làng, sóc đây là chính sách đúng đắn tuy nhiên đôi lúc thực hiện chưa tham vấn kỹ dẫn đến tình trạng đầu tư xây dựng xong nhưng người S'tiêng lại không tổ chức sinh hoạt cộng đồng trong đó, vì không phù hợp với nét đặc trưng văn hóa của họ.

Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Văn học nghệ thuật, Bảo tàng tỉnh, đẩy mạnh công tác sưu tầm, tái tạo, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể thông qua các dự án cụ thể với quy trình chặt chẽ và đúng quy định của Luật Di sản văn hóa.

Tăng cường hơn nữa đội thông tin tuyên truyền lưu động, qua thực tiễn cho thấy rằng đây là lực lượng đóng vai trò quan trọng là đơn vị xung kích trong công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến từng người dân. Cho nên, cần tăng cường ngân sách đầu tư trang thiết bị và có chế độ hợp lý cho cán bộ thông tin tuyên truyền, đẩy mạnh thu hút nguồn tài trợ của các cá nhân và tổ chức cho hoạt động này. Hiện nay, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 291/KH-UBND về triển khai Đề án Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, để thực hiện tốt kế hoạch này đi vào thực tiễn đời sống nhân dân đặc biệt đối với người S'tiêng, đòi hỏi các cơ quan và địa phương có liên quan cần tích cực, chủ động, thực thực hiện quyết liệt và phù hợp với từng địa phương mình.

Thứ tư, Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa phù hợp với nhiều đối tượng, lứa tuổi nhằm thu hút sự tham gia đầy đủ của người S'tiêng. Chính quyền địa phương cần thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho nhiều đối tượng khác nhau như thiếu nhi, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, cao tuổi...huy động đông đảo đồng bào tham gia. Thực tiễn cho thấy,

có nhiều nguyên nhân, một số người S'tiêng hiện nay vẫn còn sống khép kín, ngại giao tiếp để thể hiện khả năng của bản thân. Nhưng khi được vận động đồng bào tham gia vào hoạt động nào đó thì họ rất tích cực tham gia. Do đó, đội ngũ tuyên truyền cần phải có sự kiên trì, tâm huyết có những biện pháp thích hợp để kêu gọi người S'tiêng tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...

Cần xây dựng nội dung sinh hoạt văn hóa phù hợp với cộng đồng dân tộc người S'tiêng, phát huy vai trò đội ngũ tuyên truyền, các phương tiện thông tin truyền thông, cần lựa chọn những nội dung thiết thực, cần thiết với người đồng bào, chương trình phải được biên soạn, dàn dựng ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu phù hợp với phong tục, tập quán, đặc điểm truyền thống của người S'tiêng.

Có kế hoạch hỗ trợ để khôi phục các lễ hội truyền thống có ý nghĩa tâm linh, giáo dục đối với đời sống văn hóa đi đôi với việc tăng cường quản lý định hướng một cách đúng đắn để vừa thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong vùng đồng bào S'tiêng, vừa hợp với tâm tư nguyện vọng của đồng bào. Bởi lẽ, lễ hội phản ánh những sinh hoạt, khát vọng cùng tài năng của nhân dân về nhiều mặt của đời sống, đồng thời thông qua lễ hội văn hóa của người đồng bào S'tiêng với việc phát triển các hoạt động du lịch, dịch vụ.

Thường xuyên tổ chức và vận động nhân dân tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, liên hoan văn hóa giữa các địa phương và khu vực, từ đó có thể giúp người S'tiêng thấy rõ hơn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mà tích cực tham gia vào việc giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc mình.

3.5. Nhóm giải pháp triển khai, cụ thể hóa chính sách và phát huy vai trò các làng nghề thủ công truyền thống kết hợp với hoạt động kinh doanh, du lịch nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng

Giữ gìn và phát huy văn hóa là hai mặt của một thể thống nhất, có tác động hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển của xã hội mà văn hóa được xem là nền tảng. Việc phát huy các giá trị văn hóa sẽ có tác động làm tăng ý thức, trước hết là của mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc và của bè bạn quốc tế đối với trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa. Ngược lại, việc bảo tồn sẽ là cơ sở và tạo ra cơ hội có được các giá trị văn hóa để tự hào, giới thiệu với các dân tộc khác, các quốc gia trên thế giới.

Thứ nhất, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư số 12/2014/TT-BVHTTDL quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc. Theo đó, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số Việt Nam được quy định như sau:

Ưu tiên đầu tư kinh phí cho các dự án, đề tài nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật. Nâng cao năng lực của chủ thể văn hóa; có hình thức khen thưởng, động viên, hỗ trợ nghệ nhân, người tham gia hoạt động truyền dạy văn hóa - nghệ thuật truyền thống; sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu, truyền dạy những làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số, sáng tạo các giá trị văn hóa nghệ thuật mới phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số.

Sưu tầm, xuất bản, giới thiệu văn học dân gian của các dân tộc thiểu số. Sản xuất các tác phẩm điện ảnh phản ánh cuộc sống xã hội miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sưu tầm, phục dựng và phát huy các nghề, làng nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa - văn nghệ

truyền thống đặc sắc các dân tộc thiểu số. Ưu tiên nghiên cứu, lập hồ sơ đề nghị xếp hạng hoặc công nhận các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Gần đây, ngày 18/01/2019, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 209/QĐ-BVHTTDL về việc phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn nay. Đây là cơ sở để các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể hóa theo địa phương nhằm bảo tồn và phát huy văn hóa về trang phục của các dân tộc thiểu số, cho nên đòi hỏi cán bộ làm công tác lĩnh vực văn hóa cần tích cực, chủ động để thực hiện Đề án trên đi vào thực tiễn ở Bình Phước hiện nay.

Thứ hai, Trên cơ sở chính sách của trung ương và các chính sách của tỉnh liên quan đến công tác giữ gìn và phát huy văn hóa thì đòi hỏi công tác thực hiện chính sách đó cần có sự quan tâm, quyết liệt hơn nữa từ các ban ngành, địa phương có liên quan để chính sách đó đi vào thực tiễn đối với người S'tiêng.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động khoa học nhằm nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ những đặc điểm, giá trị văn hóa của người S'tiêng, cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng kế hoạch giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa.

Giáo dục, khơi dậy lòng tự hào dân tộc cho tầng lớp nhân dân người S'tiêng, đồng thời giúp đồng bào hiểu được những giá trị trong văn hóa truyền thống của dân tộc mình, nhất là đối với những người trẻ tuổi, bởi đây là lực lượng kế cận để thực nhiệm vụ giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc mình. Bên cạnh đó thì cần có chính sách khen thưởng kịp thời, đãi ngộ xứng đáng với những người tham gia vào quá trình giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa như văn nghệ sĩ, các nghệ nhân, các nhà nghiên cứu về văn hóa...

Thứ ba, Tăng cường công tác sưu tầm, giữ gìn và giới thiệu sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể của người S'tiêng.

Cần quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với mọi người dân, làm cho họ tự giác đề cao trách nhiệm, có ý thức tham gia vào công tác giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc mình.

Để giữ gìn và phát huy văn hóa của dân tộc S'tiêng như: nghệ thuật dân gian, hệ thống các luật tục, trong tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán... cần phải tập hợp các nghệ nhân tâm huyết với bản sắc, ý thức cội nguồn, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để các nghệ nhân sinh hoạt, sáng tác và hoạt động. Đặc biệt, đối với nghệ thuật cồng chiêng (Được UNESCO công nhận kiệt tác truyền khẩu phi vật thể của nhân loại năm 2005), cần có chính sách bảo tồn riêng biệt. Khuyến khích các lễ hội có sử dụng cồng chiêng tại cộng đồng và tại các nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng thôn, ấp; tổ chức liên hoan cồng chiêng ở các cấp nhằm thu hút cộng đồng, người dân tham gia để đồng bào hướng đến nét đẹp văn hóa của dân tộc mình, tạo điều kiện giúp các cộng đồng duy trì việc giao lưu, học hỏi và kích thích khả năng sáng tạo, truyền đạt của nghệ nhân với nhau. Tạo điều kiện cho việc truyền dạy cồng chiêng tại cộng đồng, trường học, nhất là các trường học dân tộc nội trú.

Không chỉ đối với nghệ thuật cồng chiêng, hiện nay UBND tỉnh Bình Phước đã phê duyệt danh mục Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Bình Phước, có nhiều si sản của người S'tiêng được công nhận là văn hóa phi vật thể như: Sử thi S'tiêng; Lễ hội Mừng lúa mới; nghề dệt thổ cẩm, món ăn canh bời; nghệ thuật chế biến rượu cần, múa trống, dân ca.... Đây là cơ sở quan trọng để trong thời gian tới các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác giữ gìn và phát huy văn hóa ở lĩnh vực đó góp phần bảo tồn và lưu giữ những nét văn hóa

đặc trưng để không bị mai một, thúc đẩy cho phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng có đông người S'tiêng sinh sống.

Cần thực hiện tốt hơn nữa các kế hoạch trung bày, sưu tầm các hiện vật sinh hoạt cộng đồng để giữ gìn và giáo dục cho thế hệ trẻ tự hào về văn hóa của dân tộc mình. Tăng cường hơn nữa việc ghi hình các biểu tượng văn hóa, dân ca, dân nhạc, dân vũ, lễ hội, nghệ nhân...

Thứ tư, Tiếp tục phát huy và xây dựng thêm các làng nghề thủ công truyền thống kết hợp với hoạt động kinh doanh, du lịch.

Hiện nay, thực tế ở nhiều địa phương trong cả nước có mô hình bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống như: phục hồi và xây dựng làng nghề truyền thống, thường xuyên tổ chức các lễ hội truyền thống, ngày hội văn hóa các dân tộc... Trong đó, nhiều mô hình đưa vào đầu tư, phát triển phục vụ cho du lịch nhằm nuôi sống mô hình giữ gìn văn hóa cũng như quảng bá văn hóa của địa phương.

Du lịch là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn đã và đang phát triển mạnh trong và ngoài nước. Du lịch không chỉ góp phần to lớn trong việc thỏa mãn nhu cầu vui chơi giải trí mà còn giáo dục ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên và văn hóa cộng đồng các dân tộc. Đồng thời, du lịch mang lại những nguồn lợi kinh tế, tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ, cầu nối của vùng Đông Nam bộ với Tây Nguyên và tiếp giáp Vương quốc Campuchia; nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh, tuyến đường huyết mạch kết nối khu vực Tây Nguyên với khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long; hệ sinh thái rừng nguyên sinh đa dạng cùng với sự đa dạng văn hóa tộc người... đã tạo nên sự phong phú, đa dạng về tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn cho tỉnh Bình Phước. Đây sẽ là một trong những thế mạnh góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành kinh tế du lịch bền vững cho tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

Có nhiều phương thức tiếp cận để phát huy văn hóa, tuy nhiên ngành kinh tế du lịch được xem là phương thức phát huy hiệu quả nhất, đặc biệt đối với bạn bè quốc tế. Do đó, không phải ngẫu nhiên du lịch được xem là cầu nối giữa các dân tộc, giữa các nền văn hóa trên thế giới. Qua hoạt động hướng dẫn du lịch, du khách có cơ hội không chỉ được tận mắt nhìn thấy trong thực tế, mà còn được hiểu về giá trị các di sản văn hóa nơi mình đến du lịch. Nhiều giá trị văn hóa chỉ có thể cảm nhận được trong những khung cảnh thực của tự nhiên, của nếp sống truyền thống cộng đồng thực tế, mà không thể có trong phim ảnh. Và chỉ có du lịch mới có thể đem lại cho du khách những giá trị trải nghiệm đặc biệt, sống động và ấn tượng khó phai.

Từ nguồn thu của kinh tế du lịch sẽ đóng góp quan trọng cho hoạt động bảo tồn của những giá trị văn hóa, tạo nên mối quan hệ tương hỗ mật thiết giữa bảo tồn và phát huy di sản với hoạt động phát triển du lịch. Đây là mối quan hệ biện chứng cần được nhìn nhận một cách khách quan và đầy đủ để xây dựng định hướng khai thác có hiệu quả có giá trị văn hóa phục vụ cho du lịch có thể có những đóng góp tích cực và trách nhiệm lớn nhất cho hoạt động bảo tồn, phát huy văn hóa. Mặc dù hiện nay, ngành văn hóa đã có những giải pháp thúc đẩy giới thiệu văn hóa của người dân tộc thiểu số thông qua du lịch, tuy nhiên vẫn còn khiêm tốn so với tiềm năng đang có, cho nên cần đẩy mạnh hơn nữa vấn đề này nhằm giúp cho sự phát triển của tỉnh nói chung và của vùng đông người DTTS sinh sống nói riêng.

Hiện nay, ở Bình Phước, thực tế cho thấy chúng ta chưa khai thác hết những nét đặc sắc văn hóa làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc S'tiêng để chủ động tích cực khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh mặc dù chúng ta đang thực hiện xong dự án xây dựng "Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sóc Bom Bo" cùng với dự án xây dựng "làng văn hóa - du lịch". Chính vì tầm quan trọng của việc phát huy hơn nữa và xây dựng thêm các làng nghề truyền thống của người S'tiêng có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa sau

thời gian bị mai một. Việc thành lập mô hình sản xuất, phục dựng nhằm giữ gìn, phát triển các nghề truyền thống như: dệt thổ cẩm, các món ăn truyền thống của người S'tiêng và đây là giải pháp cần thiết hiện nay đi đôi với nó là công tác đẩy mạnh thu hút, quảng bá cho du lịch được phát triển. Cần khẳng định rằng việc thu hút du lịch là yếu tố quan trọng để giới thiệu những nét văn hóa độc đáo của người S'tiêng đến với các dân tộc khác, qua đó cũng tạo mối quan hệ giao lưu văn hóa với nhau. Đây cũng là hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa mang bản sắc riêng của dân tộc tại chỗ.

3.6. Nhóm giải pháp tăng cường hơn nữa công tác phối hợp, kết hợp giữa các cơ quan, ban, ngành của tỉnh có liên quan và các địa phương trong việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng.

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch cần tăng cường phối hợp với Sở Công thương, với các cơ quan hữu quan và chính quyền địa phương huyện, thị, thành phố quan tâm đầu tư cho việc phát huy những đặc trưng văn hóa trang phục, ẩm thực truyền thống tiêu biểu của người S'tiêng ở từng sóc, xã, phường, thành lập các mô hình phục dựng những giá trị văn hóa đặc trưng theo vùng nhằm khai thác, thúc đẩy ngành kinh tế dịch vụ - du lịch phát triển mang tính tổng thể, đồng đều. Trên cơ sở đó đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, tạo cơ chế huy động các nguồn lực cho việc phục hồi, phục dựng và bảo tồn văn hóa trang phục, ẩm thực truyền thống của đồng bào S'tiêng.

Tiếp tục hoạt động mạnh hơn nữa các mô hình đã có như mô hình sản xuất, phục dựng nhằm bảo tồn, phát triển nghề dệt thổ cẩm và các món ăn thức uống truyền thống của đồng bào S'tiêng là giải pháp cần thiết. Đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm góp phần phát huy, gìn giữ bản sắc riêng của dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh. Hai mô hình nhóm này quảng bá chủ yếu tập trung vào những món ăn truyền thống đặc trưng như: đọt mây, lá

nhíp, com lam, rượu cần...; những sản phẩm dệt thổ cẩm như: váy, quần, áo, túi xách, nón... mang đậm bản sắc riêng của dân tộc S'tiêng. Nhóm tác giả kỳ vọng sẽ đưa các mô hình và tiếp tục nhân rộng thêm các mô hình bảo tồn văn hóa trang phục, ẩm thực truyền thống của đồng bào S'tiêng để đưa vào cùng hoạt động của khu bảo tồn Văn hóa - Du lịch Bom Bo trong tương lai. Do đó, để các mô hình phát triển nghề dệt thổ cẩm truyền thống và mô hình phát triển ẩm thực truyền thống của người S'tiêng một cách bền vững, ổn định, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể.

Sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành giải pháp bổ sung cơ chế, chính sách, nguồn vốn, nguồn nhân lực phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương cho việc bảo tồn và phát huy văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống của đồng bào S'tiêng nói riêng, các ngành nghề nông thôn nói chung trên địa bàn tỉnh. Sở cần phối hợp với UBND các huyện, thị xã tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý lĩnh vực ngành nghề nông thôn, quản lý các tổ, hội, nhóm, làng nghề trên địa bàn tỉnh. Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình hoạt động sản xuất nghề dệt thổ cẩm trên địa bàn các thôn, ấp, sóc làm cơ sở xây dựng các tổ, hội, làng nghề; tư vấn thành lập, hỗ trợ thủ tục công nhận các làng nghề và tổ chức quản lý hoạt động sản xuất của các tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào S'tiêng.

Ban Dân tộc cần phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chuyển giao các tổ nhóm: “Tổ nhóm Dệt thổ cẩm truyền thống dân tộc S'tiêng thôn Bom Bo”, “Tổ nhóm Ẩm thực truyền thống dân tộc S'tiêng thôn Bom Bo” cùng các trang, thiết bị hỗ trợ tổ nhóm để Sở Văn hóa, thể thao và du lịch phát huy vai trò các tổ nhóm, sử dụng các tổ nhóm này phục vụ cho các hoạt động văn hóa, du lịch của Khu bảo tồn văn hóa S'tiêng Sóc Bom Bo. Ban Dân tộc phối hợp với

nhóm tác giả xuất bản các cuốn sách chuyên khảo về ẩm thực, trang phục dân tộc S'tiêng (và các cuốn sách chuyên khảo về lịch sử, văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh). Qua đó quảng bá rộng rãi về văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh, văn hóa của người S'tiêng và cụ thể là văn hóa trang phục, ẩm thực của đồng bào S'tiêng tỉnh Bình Phước, thu hút các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu, trải nghiệm về các dân tộc tỉnh Bình Phước.

Như vậy, để có thể thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính vĩ mô hay vi mô là một việc không dễ dàng, không phải một sớm một chiều là thực hiện được ngay, mà cần phải có “lộ trình” cụ thể, rõ ràng và thực hiện một cách nghiêm túc thì việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào S'tiêng tỉnh Bình Phước mới thật sự đạt được kết quả thiết thực. Đồng thời, cơ quan chức năng, cán bộ chuyên trách quản lý văn hóa những vùng đồng bào dân tộc S'tiêng phải thường xuyên nghiên cứu sâu hơn nữa văn hóa truyền thống trong cộng đồng dân tộc S'tiêng, có sự tham gia tiếng nói của chính cộng đồng. Hơn nữa, phải gần gũi, đoàn kết, giúp đỡ để giúp họ hòa nhập nhanh vào cuộc sống mới, nâng cao đời sống vật chất để đồng bào S'tiêng không còn “mặc cảm”, “tự ti” hay “trông chờ, ỷ lại” sự giúp đỡ của chính quyền, thay vào đó họ sẽ tự lực cánh sinh trong phát triển kinh tế cũng như tự hào, tôn trọng những giá trị văn hóa truyền thống của mình một cách đúng đắn nhất.

KẾT LUẬN

Dân tộc S'tiêng là một trong những dân tộc có đóng góp cho sự phát triển của vùng đất Đông Nam bộ nói chung của tỉnh Bình Phước nói riêng. Do nhiều nguyên nhân, trong đó có điều kiện tự nhiên và quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa với các dân tộc khác, văn hóa của người S'tiêng chia thành nhiều nhánh nổi bật là nhánh S'tiêng Bù Lơ và S'tiêng Bù Đek.

Giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng trong điều kiện hiện nay là một tất yếu khách quan bởi vì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên vấn đề ở đây là cần chọn lọc những cái gì để phát huy giá trị của nó và xóa bỏ những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Là một trong 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam, do điều kiện vị trí địa lý và điều kiện kinh tế - xã hội quy định đã hình thành nên một nét đặc trưng trong văn hóa của người S'tiêng với nhiều giá trị độc đáo. Vì thế những tinh hoa văn hóa này cần được giữ gìn và phát huy trong xu hướng hiện nay là cần thiết. Hiện nay, các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã có sự thay đổi về căn bản, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi không ngừng của văn hóa S'tiêng. Bên cạnh tâm lý muốn giữ gìn văn hóa như một ý thức tự tôn của người dân với niềm kiêu hãnh về lịch sử và truyền thống văn hóa của mình, xu hướng biến đổi ngày một xa rời thực hành văn hóa cổ truyền là một thực tế. Cho nên, việc cùng với người dân S'tiêng giữ gìn và phát huy văn hóa là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền các cấp ở tỉnh Bình Phước hiện nay. Để thực hiện nhiệm vụ đó, cần có sự vào cuộc của tất cả các cấp, ban ngành, đoàn thể. Hơn lúc nào hết, sự liên kết giữa các bên tham gia luôn là một yêu cầu hàng đầu.

Việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng trong bối cảnh mới, cần có sự tham gia của chính cộng đồng S'tiêng. Hơn ai hết họ là chủ thể của văn hóa và cũng là người lưu giữ các giá trị văn hóa của dân tộc mình. Cho nên, nếu không có sự tham gia đồng thuận của họ thì chương trình, dự án khó thành công được. Giữ gìn và phát huy văn hóa của người Stiêng cần được thực hiện theo lộ trình mang tính khoa học, phù hợp với điều kiện, yêu cầu của thực tiễn ở mỗi địa phương đặt ra. Trong quá trình thực hiện các kế hoạch giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng cần gắn kết với sự theo dõi, giám sát, đánh giá, đồng thời địa phương cũng có cơ chế phản hồi linh hoạt và hiệu quả.

Để làm tốt việc giữ gìn và phát huy văn hóa của người S'tiêng, cần tăng cường công tác giáo cho thế hệ trẻ trong việc giữ gìn văn hóa truyền thống của cha ông ngay từ trong sinh hoạt gia đình, thấy được văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Ngoài ra cũng cần biết phát huy vai trò và uy tín của già làng, trưởng bản những mặt tích cực, khắc phục những hạn chế trong tập quán, phong tục còn lạc hậu để xây dựng đời sống văn hóa mới nhằm giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của người S'tiêng. Có như vậy mới góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và cùng cả nước xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Anh (2007), *Hệ thống xã hội tộc người của người Xtiêng*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trần Văn Ánh và cộng sự (2011), “Đời sống văn hóa người Stiêng tỉnh Bình Phước”, *Đề tài cấp Bộ*, Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trần Văn Ánh (2011), “Thực trạng hoạt động và hưởng thụ văn hóa người Stiêng ở Bình Phước”, *Tập san Thông tin Khoa học*, Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, (30).
4. Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, “Thông tin dân tộc thiểu số và miền núi”, *Tạp chí thông tin điện tử*, (13, 14, 15).
5. Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước (2008), *Báo cáo tình hình cơ bản hộ dân tộc ít người tỉnh Bình Phước (huyện Bù Đăng)*, Bình Phước.
6. Bảo tàng Bình Phước (2009), *Báo cáo khoa học dự án phục dựng lễ cầu mưa của người Xtiêng*, Bình Phước.
7. Bảo tàng Bình Phước (2010), *Báo cáo tổng điều tra di sản văn hóa của người Xtiêng Bình Phước*, Bình Phước.
8. Cục thống kê tỉnh Bình Phước (2016), *Niên giám Cục thống kê tỉnh Bình Phước*, Bình Phước.
9. Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1993), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb Tổng hợp Sông Bé, Sông Bé.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết TW5 khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Phạm Văn Đồng (1994), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Thành Đức (2004), *Múa dân gian các tộc người Mạ, Chơ ro, Xtiêng vùng Đông Nam Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
16. Nguyễn Duy Đoài (2007), *Văn hóa quản lý xã hội của người Xtiêng - Bình Phước*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Thị Như Hiền (2012), *Giao lưu văn hóa giữa Stiêng với các dân tộc khác ở Bình Phước từ năm 1945 đến nay*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
18. Hội đồng dân tộc của Quốc hội (2001), *Chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân tộc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. Phạm Hữu Hiến (2016), "Lễ hội truyền thống của người Xtiêng", *Báo điện tử TN tayninhviet.vn* ngày 21/11/2016.
20. Nguyễn Thị Loan (2015), *Hôn nhân của người Xtiêng ở xã Lộc An, Lộc Ninh Bình Phước*, Khóa luận Tốt nghiệp, Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
21. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thạch Ngọc (2013), *Tri thức bản địa của người Stiêng trong khai thác động vật, trong kỹ yếu hội thảo Tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số ở Đông Nam bộ; truyền thống và biến đổi*, Khoa nhân học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
23. Tỉnh ủy Bình Phước (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020)*, Bình Phước.
24. Tỉnh ủy Bình Phước (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025)*, Bình Phước.

25. Phạm Kim Quang (2011), *Vấn đề giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ Ho ở Lâm Đồng hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

26. Điều Huỳnh Sang (2006), *Một số phong tục tập quán cổ truyền của người Xtiêng*, Viện nghiên cứu Văn hóa (Viện khoa học xã hội Việt Nam), tỉnh Bình Phước, Bình Phước.

27. Trần Thanh Tùng (2013), *Văn hóa ứng xử của người Xtiêng với môi trường tự nhiên ở Bình Phước hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa và Phát Triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

28. Phạm Hữu Tiên (2012), “Lễ hội truyền thống của người Xtiêng dưới tác động của hội nhập và phát triển”, *Tham luận hội thảo khoa học Việt Nam lần thứ 4 năm 2012*, Hà Nội.

29. Vũ Hồng Thịnh - Bùi Lãm (1995), *Nghệ thuật công chiêng của dân tộc Stiêng tỉnh Sông Bé*, Sở Văn hóa thông tin Sông Bé, Sông Bé.

30. Huỳnh Thanh (chủ nhiệm) (2015), “Nghiên cứu bảo tồn và phát huy trang phục, âm thực truyền thống của đồng bào dân tộc Stiêng tỉnh Bình Phước”, *Đề tài khoa học cấp tỉnh*, Sở Khoa học và Công nghệ Bình Phước, Bình Phước.

31. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, Phạm Hữu Hiến (2015), *Văn hóa người Xtiêng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

32. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, Nxb Trẻ Hà Nội, Hà Nội.

33. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. UBND tỉnh Bình Phước (2016), Báo cáo số 271/BC-UBND tỉnh ngày 26/11/2016, về tổng kết thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh 2016 và phương hướng nhiệm vụ 2017, Bình Phước.

35. Viện văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2008), *Báo cáo của đoàn công tác liên hợp khảo sát văn hóa công chiêng dân tộc Xtiêng tỉnh Bình Phước (11/2008) tại huyện Bù Đăng, Bình Phước.*
36. Lương Thị Hồng Vân (2011), *Đời sống văn hóa của dân tộc Xtiêng ở huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
37. Phan Xuân Viện (chủ biên), Nguyễn Thị Tuyết Sương, Phạm Anh Văn (2015), *Truyện cổ Xtiêng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước (2009), *Tổng điều tra công chiêng trên địa bàn tỉnh Bình Phước*, Bình Phước.
39. Dự án “*Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người S’tiêng Bình Phước*”, năm 2009.
40. Dự án “*Ứng xử đối với môi trường tự nhiên của người S’tiêng Bình Phước*”, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa năm 2011.
41. Dự án “*Tổng điều tra Sử thi các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước*”.
42. UNESCO (1982), *Tuyên bố về những chính sách văn hóa*, tại Mêhicô.
43. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa* (2003), Nxb Hà Nội.

PHỤ LỤC***Một số hình ảnh lễ hội của người S'tiêng***

Ảnh 1: Lễ hội Cầu mưa của người S'tiêng ở Bình Phước. Ảnh TL



Ảnh 2: Nghệ thức đâm trâu trong lễ hội cúng kho lúa của người S'tiêng. Ảnh TL

Một số hình ảnh tập quán ăn, uống của người S'tiêng



Ảnh 3: Nghệ nhân Điểu Lá - Tổ ẩm thực Bom Bo đang nấu cơm ống. Ảnh TL



Ảnh 4: Món Canh bồi (Chụp tại nhà ông Điểu Mon, tổ nhóm ẩm thực Stiêng Bom Bo)



Ảnh 5: Đốt mây nướng do người S'tieng thực hiện. Ảnh TL



Ảnh 6: Giao lưu uống rượu cần của người S'tieng

Hình ảnh về tổ chức gia đình, cộng đồng của người S'tiêng



Ảnh 7: Nhà trai chuẩn bị lễ vật để làm lễ trả của cho nhà gái. Ảnh TL



Ảnh 8: Trang phục của người S'tiêng. Ảnh TL.



Ảnh 9: Nghề thủ công dệt thổ cẩm của người S'tiêng. Ảnh TL.



Ảnh 10. Nghề dệt truyền thống của người S'tiêng. Ảnh TL.



Ảnh 11: Công – chiêng của người S'tiêng. Ảnh TL.



Ảnh 12: Chuẩn bị nguyên liệu để nấu rượu cần truyền thống. Ảnh TL



Ảnh 13: Lễ vật trong lễ hội Cầu mưa của người S'tiêng. Ảnh TL.

BẢN ĐỒ MẬT ĐỘ PHÂN BỐ DÂN CƯ (ĐỒNG BÀO S' TIÊNG) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC Ở TỈNH BÌNH PHƯỚC

